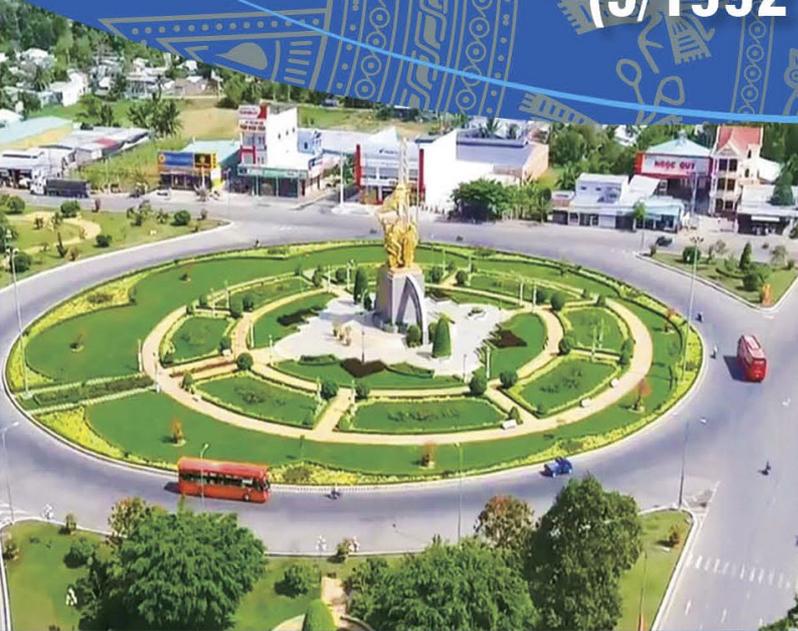


TỈNH TRÀ VINH



28
KỶ YẾU TÁI LẬP
THÀNH TỰU NĂM TỈNH
TRÀ VINH
(5/1992 - 5/2020)



KỶ YẾU 28 TÁI LẬP
THÀNH TỰU NĂM TỈNH

TRÁ VINH

(5/1992 - 5/2020)

Lời tựa

Trà Vinh là tỉnh nằm ở hạ lưu sông Cửu Long, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (miền Tây Nam Bộ) nằm giữa sông Hậu và sông Cổ Chiên - một nhánh của sông Tiền, phía Đông Nam tiếp giáp biển Đông.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, Nhân dân Trà Vinh cùng Nhân dân cả nước đã anh dũng, kiên cường chiến đấu và chiến thắng những kẻ thù xâm lược, Trà Vinh được Trung ương trao tặng tám chữ vàng “Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công”. Ngày nay, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Trà Vinh phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, nêu cao tinh thần đoàn kết, ý thức tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo, nỗ lực hoàn thành đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư với nhiều công trình trọng điểm có ý nghĩa chiến lược; lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển; du lịch có nhiều khởi sắc; an sinh xã hội được đảm bảo; công tác xây dựng huyện, xã nông thôn mới, đô thị văn minh thực hiện đồng bộ, hiệu quả; công tác giảm nghèo chuyển biến tích cực, đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân ngày càng nâng cao, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Các chính sách đến ơn đáp nghĩa, dân tộc - tôn giáo được thực hiện kịp thời. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được

tăng cường; cải cách hành chính, tinh giản biên chế được chú trọng; công tác thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc; quốc phòng, an ninh được củng cố, giữ vững; mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân ngày càng gắn bó mật thiết.

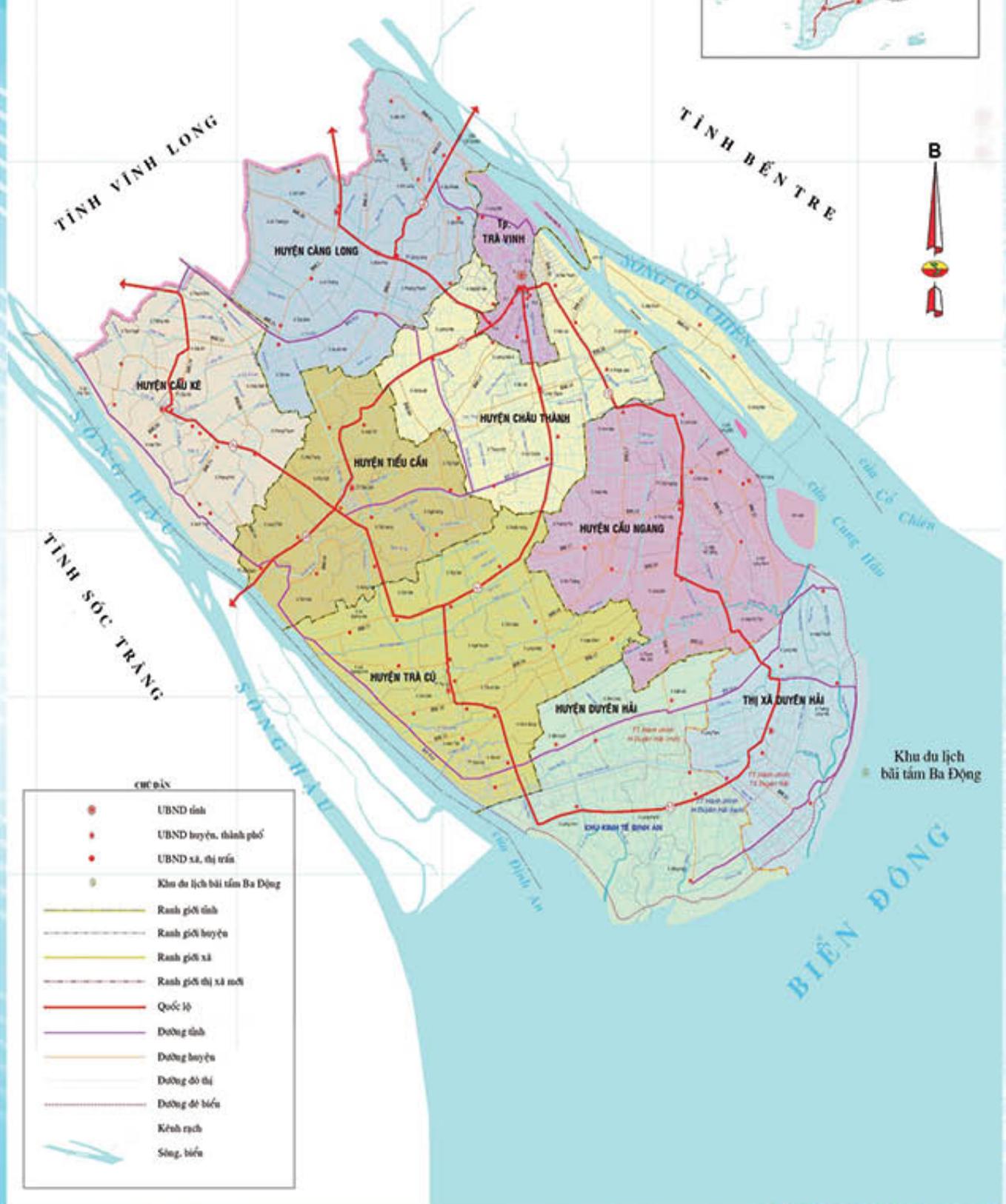
Để ghi nhận và biểu dương những thành tựu đã đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển của Trà Vinh, được sự đồng ý của Trung ương Đảng, Chính phủ; Đảng bộ, chính quyền và quân, dân tỉnh Trà Vinh long trọng tổ chức kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh Trà Vinh (01/01/1900 - 01/01/2020) và 28 năm tái lập tỉnh (5/1992 - 5/2020) gắn với lễ phát động an sinh xã hội và hoạt động xúc tiến đầu tư; Ban biên tập Kỷ yếu Thành tựu 28 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (5/1992 - 5/2020) tập hợp những tư liệu hình ảnh thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực của tỉnh Trà Vinh qua 28 năm tái lập (1992 - 2020). Qua đây, nhằm kêu gọi, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của tỉnh Trà Vinh để xúc tiến mời gọi đầu tư để tiếp tục đưa Trà Vinh phát triển nhanh, bền vững.

Quá trình biên soạn Kỷ yếu không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp ý kiến của Quý độc giả.

Xin trân trọng cảm ơn.

Ban biên tập

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH TRÀ VINH



chức năng

	UBND tỉnh
	UBND huyện, thành phố
	UBND xã, thị trấn
	Khu du lịch bãi tắm Ba Động
	Ranh giới tỉnh
	Ranh giới huyện
	Ranh giới xã
	Ranh giới thị xã nội
	Quốc lộ
	Đường tỉnh
	Đường huyện
	Đường đô thị
	Đường đê biển
	Kênh rạch
	Sông, biển

Khu du lịch bãi tắm Ba Động



**HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG
CỦA LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
VÀ LÃNH ĐẠO TỈNH TRÀ VINH
QUA CÁC THỜI KỲ**



Tổng Bí thư **Nông Đức Mạnh**
thăm chùa Khmer Trà Vinh (năm 2008)



Tổng Bí thư **Nông Đức Mạnh** thăm các cháu thiếu nhi
nhân dịp Trung thu (năm 2008)



Tổng Bí thư - Chủ tịch nước **Nguyễn Phú Trọng** thăm và làm việc tại tỉnh Trà Vinh



Chủ tịch Quốc hội **Nguyễn Sinh Hùng** thăm và làm việc với Tập đoàn Mỹ Lan, tỉnh Trà Vinh



Chủ tịch Quốc hội **Nguyễn Sinh Hùng** khảo sát thực tế tại Khu Kinh tế Định An



Chủ tịch Quốc hội **Nguyễn Thị Kim Ngân** thăm hỏi gia đình chính sách tỉnh Trà Vinh



Chủ tịch nước **Nguyễn Minh Triết** thăm và làm việc tại tỉnh Trà Vinh



Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh **Nguyễn Thiện Nhân** thăm và làm việc tại tỉnh Trà Vinh



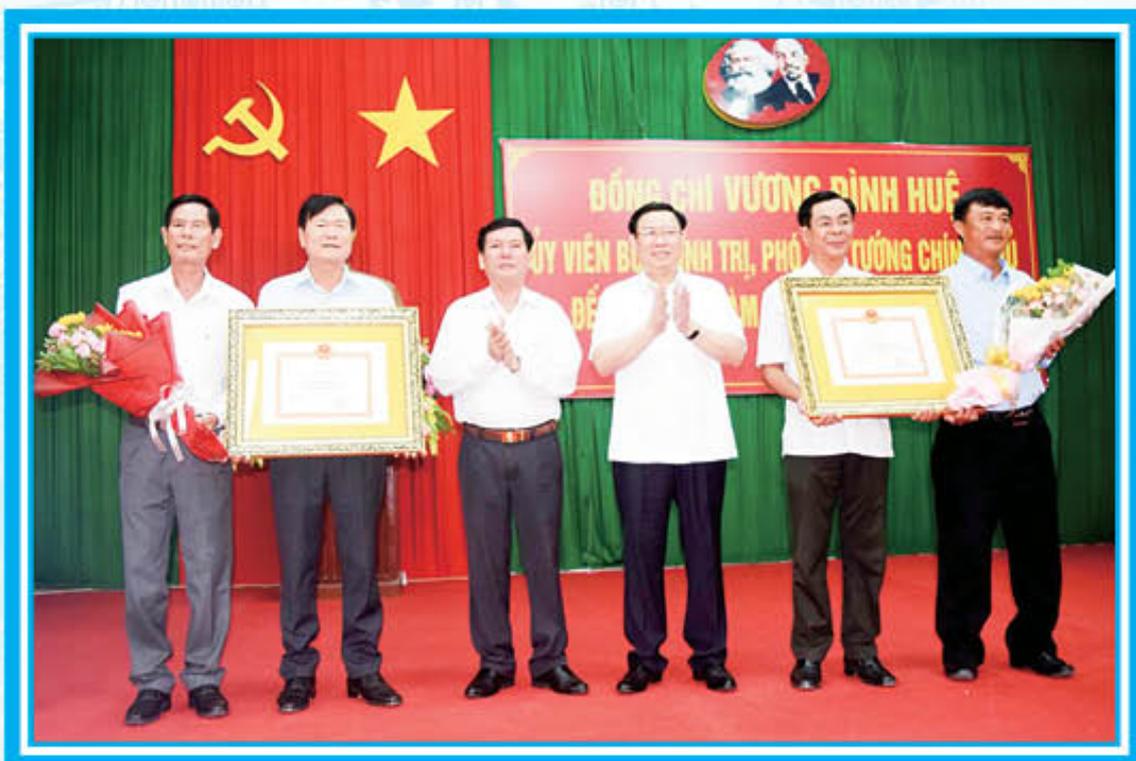
Lãnh đạo Trung ương và lãnh đạo tỉnh Trà Vinh cắt băng khánh thành Ký túc xá sinh viên Trường Đại học Trà Vinh



Phó Chủ tịch nước **Đặng Thị Ngọc Thịnh** thăm, tặng quà gia đình chính sách tại tỉnh Trà Vinh



Phó Chủ tịch nước **Đặng Thị Ngọc Thịnh** thăm, tặng quà trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Trà Vinh



Phó Thủ tướng Chính phủ **Wương Đình Huệ** trao bằng công nhận nông thôn mới cho huyện Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải



Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ **Nguyễn Sinh Hùng** đến thăm và làm việc với Trường Đại học Trà Vinh



Phó Chủ tịch Quốc hội **Nguyễn Thị Kim Ngân** trao Huân chương Độc lập hạng nhất (lần 1) cho tỉnh Trà Vinh tại Lễ kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (1992 - 2012)



Thủ tướng **Nguyễn Xuân Phúc** trao Huân chương Độc lập hạng nhất (lần 2) cho tỉnh Trà Vinh tại Lễ Kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (1992 - 2017)



Bí thư Tỉnh ủy **Bùi Quang Huy** tặng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Triệu Văn Bé** thăm gia đình chính sách



Bí thư Tỉnh ủy **Nguyễn Thái Bình** thăm công nhân nhân dịp năm mới



Bí thư Tỉnh ủy **Nguyễn Thái Bình** cùng lãnh đạo các ngành đi thực tế tại cơ sở



Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc thăm, chúc tết Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy **Trần Quang Thiện** (bên phải)



Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Thái Bình
và Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy **Trần Văn Đơn** (bên trái)



Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thạch Hel trao quà cho học sinh



Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy **Dương Hoàng Nghĩa** thăm chúc sắc tôn giáo



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Trần Văn Vẹn** (áo trắng thứ tư từ phải sang) cùng đại biểu cắt băng khánh thành BVĐK Khu vực Tiểu Cần, Trà Vinh



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Trần Hoàn Kim** dự khai trương Chi nhánh Sacombank Trà Vinh



Bí thư Tỉnh ủy **Trần Trí Dũng** cùng đoàn công tác của tỉnh khảo sát tình hình sản xuất tại địa phương



Bí thư Tỉnh ủy **Trần Trí Dũng** thăm gian hàng trưng bày
tại Lễ hội Ok Om Bok



Bí thư Tỉnh ủy **Trần Trí Dũng** trao học bổng cho học sinh hiếu học
tỉnh Trà Vinh



Phó Bí thư Tỉnh ủy **Thạch Dư** trao Bằng khen cho các cá nhân tiêu biểu



Phó Bí thư Tỉnh ủy **Sơn Thị Ánh Hồng** trao cờ lưu niệm cho các đơn vị tại lễ ra quân Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè



Phó Bí thư Tỉnh ủy **Ngô Chí Cường** thăm, tặng quà gia đình chính sách



Phó Bí thư Tỉnh ủy **Kim Ngọc Thái** (thứ 2 từ phải qua) thăm các chiến sĩ thanh niên tình nguyện hè



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Trần Khiêu** tặng quà cho các gia đình chính sách



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đồng Văn Lâm** thăm hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đồng Văn Lâm** trao thưởng cho các vận động viên đạt thành tích cao tại Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018



Quang cảnh Lễ Kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (1992 - 2012)



Lãnh đạo Trung ương, Lãnh đạo tỉnh dự Lễ kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (1992 - 2012)



Bí thư Tỉnh ủy **Trần Trí Dũng** và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đổng Văn Lâm** tặng hoa cho các doanh nghiệp tiêu biểu nhân Lễ Kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (1992 - 2017)



Lãnh đạo tỉnh chụp ảnh lưu niệm với Đoàn Công tác của Đông Timo đến làm việc với tỉnh Trà Vinh



Đại biểu tham quan mô hình Nhà sàn Bác Hồ tại Đền thờ Bác, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh



Lãnh đạo tỉnh, các ngành tiếp và chụp ảnh lưu niệm với các đơn vị đến tìm hiểu môi trường hợp tác đầu tư tại Trà Vinh



Lãnh đạo tỉnh, các ngành tiếp và chụp ảnh lưu niệm với Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại thành phố Hồ Chí Minh



Lãnh đạo tỉnh Trà Vinh chụp ảnh lưu niệm với các đại biểu trong Hội thảo Quốc tế dê sữa tại Trường Đại học Trà Vinh



Lễ khởi công dự án xây dựng luống cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu



Lễ khởi công xây dựng Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1



Lễ khởi công xây dựng Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3



Đại biểu cắt băng khai trương khu đô thị mới Trà Vinh



Lễ khởi động dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên quốc lộ 60 nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Sóc Trăng



**TRÀ VINH QUA 120 NĂM
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**

KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH TRÀ VINH (1900 - 1992)

1. KHÁI QUÁT VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI

Trà Vinh là tỉnh duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu; phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Bến Tre có ranh giới là sông Cổ Chiên; phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Sóc Trăng có ranh giới là sông Hậu; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long; phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông, với bờ biển dài 65 km, có 2 cửa sông Định An và Cung Hầu. Trung tâm tỉnh cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 130 km và cách thành phố Cần Thơ hơn 80 km.

Trà Vinh có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng; khí hậu nhiệt đới gió mùa, ít chịu ảnh hưởng bởi bão - lũ; đất đai phù sa, màu mỡ với địa hình đồng bằng và xen lẫn nhiều giống cát, cùng với đó là hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt rất thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy, hải sản; giao thông đường thủy được kết nối giữa các địa phương trong tỉnh và với các tỉnh trong khu vực. Đặc biệt, với 02 cửa sông Định An và Cung Hầu là tuyến hàng hải quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long thông thương ra biển Đông với cả nước và quốc tế, tạo động lực phát triển kinh tế địa phương và trong khu vực.

Diện tích tự nhiên của tỉnh 2.358 km². Dân số trên 1 triệu người; tỉnh có 03 dân tộc chính: Kinh, Khmer, Hoa chung sống hòa thuận và theo nhiều tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau. Hiện nay, tỉnh Trà Vinh có 01 thành phố, 01 thị xã và 07 huyện.



Vòng xoay Tượng đài "Toàn dân nổi dậy đoàn kết lập công thành phố Trà Vinh"

2. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH TRÀ VINH (1900 - 1992)

Từ ngày 01/01/1900, tên gọi Trà Vinh được sử dụng chính thức theo Nghị định đổi tên gọi tiểu khu thành tỉnh của Toàn quyền Đông Dương Doumer ký ngày 20/12/1899. Trong quá trình đấu tranh, xây dựng và phát triển (1900 - 1992), tỉnh Trà Vinh đã trải qua 04 lần tách nhập (Năm 1951, tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh sáp nhập thành tỉnh Vĩnh Trà; Năm 1954, tỉnh Vĩnh Trà tách thành tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh; Năm 1976, tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh sáp nhập thành tỉnh Cửu Long; Năm 1992, tỉnh Cửu Long tách thành tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh).

Trong tiến trình của lịch sử, Nhân dân các dân tộc tỉnh Trà Vinh luôn thể hiện ý chí anh dũng, kiên cường cùng Nhân dân cả nước đấu tranh chống kẻ thù chung giành thắng lợi. Đặc biệt là từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là



Cảng cá Định An, huyện Trà Cú

Tỉnh ủy Trà Vinh, quân và dân trong tỉnh đã tiến hành các cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, lập nên chính quyền cách mạng: Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945; Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và Kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975). Với những chiến công vẻ vang trong kháng chiến chống Pháp, Mỹ, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống Nhân dân, bảo vệ chính quyền cách mạng; cải tạo và xây dựng xã hội mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; cùng cả nước chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc; thực hiện nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Cửu Long đã tập trung tổ chức lại sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân và đạt được những thành tựu quan trọng: sản lượng lương thực từ 519.000 tấn năm 1986 lên 1.200.000 tấn năm 1990. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được điều chỉnh, sắp xếp nên đã từng bước thích nghi được với cơ chế thị trường, giá trị hàng hóa từ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng đáng kể. Quá trình phát triển kinh tế trong thời kỳ này làm cho xã hội có nhiều chuyển biến, cơ cấu kinh tế, phân công lao động, khai thác đất đai, ngành nghề, sản phẩm làm ra từng bước phù hợp với nền kinh tế hàng hóa. Các hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình, văn hóa - văn nghệ được đầu tư chiều sâu. Công tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, công tác đền ơn đáp nghĩa có sự chuyển biến tích cực. Hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường.

Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa VIII, đã ra Nghị quyết tách tỉnh Cửu Long thành 02 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Tỉnh Trà Vinh được tái lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 5/1992.

NHỮNG THÀNH TỰU QUAN TRỌNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA TỈNH TRÀ VINH TỪ KHI TÁI LẬP TỈNH (1992) ĐẾN NAY

Từ khi tái lập tỉnh năm 1992 đến nay, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh...

1. KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG, QUY MÔ NỀN KINH TẾ ĐƯỢC MỞ RỘNG

Giá trị tổng sản phẩm nội địa (GRDP) tăng bình quân hàng năm trên 11,5% (giai đoạn 1996 - 2000 tăng 8,87%; giai đoạn 2000 - 2010 tăng 11,64%; giai đoạn 2010 - 2015 tăng 11,53%; giai đoạn 2016 - 2019 tăng 12,3%).

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng giá trị nông - lâm nghiệp - thủy sản từ 77,91% năm 1992 giảm còn 31,74% năm 2019, công nghiệp - xây dựng từ 8,49% năm 1992 tăng lên 32,45% năm 2019, dịch vụ từ 13,6% tăng lên 35,81%.

GRDP bình quân đầu người năm 1992 khoảng 0,73 triệu đồng/người/năm, đến cuối năm 2019 đạt 59,09 triệu đồng, gấp 80,9 lần so với năm 1992, ước tăng lên 65 triệu đồng/người/năm vào năm 2020.

1.1. Nông nghiệp và nông thôn mới

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh. Nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản. Năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông - thủy sản ngày càng được nâng cao. Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2019 đạt hơn 28.157 tỷ đồng, gấp 62 lần so với năm 1992.



Cơ giới trong nông nghiệp



Nông nghiệp công nghệ cao

Tỉnh Trà Vinh tập trung huy động các nguồn lực xã hội và vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh có 55 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (chiếm 64,7%); 60% ấp nông thôn mới, 79,4% hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa nông thôn mới; huyện Tiểu Cần và huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Là một trong những ngành kinh tế chủ chốt của tỉnh Trà Vinh, sản xuất công nghiệp phát triển vượt bậc. Giá trị sản xuất năm 1992 chỉ đạt 270 tỷ đồng, năm 2019 ước đạt 38.584 tỷ đồng.



Điện mặt trời



Sản phẩm từ tre

Toàn tỉnh Trà Vinh hiện có 01 khu kinh tế; 03 khu công nghiệp (trong đó 01 khu công nghiệp hiện hữu đã lấp đầy; 02 khu công nghiệp đang kêu gọi đầu tư hạ tầng), quy hoạch 13 cụm công nghiệp (04 cụm công nghiệp đang đầu tư hạ tầng); phát triển 13 làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tính đến nay, tỉnh Trà Vinh có 351 dự án đầu tư, trong đó có 41 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD (dự án nhiệt điện 2 chiếm 2,41 tỷ USD) và 310 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 106.006 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho trên 95.283 lao động.

1.3. Thương mại - dịch vụ

Cùng với lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp thì lĩnh vực thương mại - dịch vụ đóng góp những thành tựu to lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 1992 đạt 702 tỷ đồng, năm 2019 ước đạt 36.781 tỷ đồng.

Đến nay, toàn tỉnh có 116 chợ, 01 Trung tâm thương mại (TTTM VinCom), 07 siêu thị (03 siêu thị chuyên doanh và 04 siêu thị tổng hợp) cùng hệ thống cửa hàng tiện lợi rộng khắp từ thành phố đến huyện, thị đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Hàng hóa cung ứng trên thị trường đa dạng và phong phú, mạng lưới phân phối, kinh doanh được mở rộng. Công tác kiểm soát quản lý được tăng cường, góp phần ổn định thị trường.



Nhà hàng ẩm thực Rithy, thị trấn Định An, huyện Trà Cú

Bên cạnh đó, các dịch vụ giao thông vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... có bước phát triển theo hướng hiện đại.

Cải tạo cảnh quan du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ các cơ sở lưu trú, hình thành và phát triển các điểm, loại hình du lịch mới như: Khu du lịch cộng đồng Cồn Chim, khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn, khu du lịch văn hóa Ao Bà Om, khu di tích Đền thờ Bác Hồ... đã thu hút ngày càng nhiều lượt khách đến tham quan du lịch.

1.4. Tài chính, tín dụng

Hàng năm thu ngân sách trên địa bàn đạt và vượt kế hoạch đề ra, năm 1992 thu đạt hơn 40 tỷ đồng, năm 2019 thu đạt 4.867 tỷ đồng. Các khoản chi được kiểm soát chặt chẽ và mang lại hiệu quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các tổ chức tín dụng phát triển mạnh, hầu hết các ngân hàng thương mại lớn đều đặt trụ sở tại tỉnh Trà Vinh phục vụ và đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế và người dân để đầu tư sản xuất kinh doanh và phục vụ cuộc sống. Đến năm 2019, tổng nguồn vốn huy động đạt 32.440 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay đạt 25.850 tỷ đồng.



Đại biểu tham dự Lễ khai trương trụ sở làm việc chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Trà Vinh

1.5. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Hệ thống giao thông đường bộ phát triển nhanh và ngày càng được hoàn thiện, tổng chiều dài các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện 991,37 km, trong đó: 865,87 km bê tông nhựa, láng nhựa, 5.500 km đường giao thông nông thôn. Đầu tư nhiều công trình mới như: Cầu Cổ Chiên, Luồng cho tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu, cầu Long Toàn, cầu Láng Chim, cầu Long Bình 2, 3, Quốc lộ 60, đường tỉnh 915 và đường vành đai thành phố Trà Vinh... kết nối hệ thống giao thông thuận tiện với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, các công trình thủy lợi phục vụ phát triển cây trồng, nuôi thủy sản và đời sống dân sinh cũng được quan tâm đầu tư.

Về phát triển lưới điện và hộ sử dụng điện: toàn tỉnh có 2.695,39 km đường dây trung thế; 5.206,91 km đường dây hạ thế; 5.696 trạm biến thế; đến nay hộ sử dụng điện đạt tỷ lệ 98,95%. Đầu tư xây dựng Trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải với tổng công suất 4.415 MW, Dự án điện gió (giai đoạn 1) với quy mô công suất 48 MW và Dự án nhà máy điện mặt trời với tổng công suất 165 MW.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng các trạm cấp nước hợp vệ sinh ở thành phố, thị xã, trung tâm các huyện, xã và vùng nông thôn sâu, đến nay trên 98,5% hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; trên 96,3% hộ thành thị sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.



Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu



Công viên thành phố Trà Vinh



Trung tâm Điện lực Duyên Hải

1.6. Tổ chức lại sản xuất

Đã củng cố, sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước. Kinh tế hợp tác và hợp tác xã được củng cố và phát triển. Đến nay có 167 hợp tác xã đang hoạt động (gấp 5,4 lần năm 1995), 100% xã, phường, thị trấn có hợp tác xã. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển, đến nay có 2.514 doanh nghiệp (gấp 9,8 lần năm 1995).

1.7. Công tác đối ngoại

Công tác phối hợp quản lý các hoạt động đối ngoại, quản lý đoàn ra, đoàn vào được thực hiện thống nhất và chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng của tỉnh.

Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại được tiếp tục quan tâm đẩy mạnh, thường xuyên củng cố,



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh **Đông Văn Lâm** tiếp Tổng lãnh sự quán Trung Quốc



Đoàn công tác của tỉnh xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản

xây dựng các tài liệu xúc tiến đầu tư hiệu quả hơn để phối hợp trong các chuyến xúc tiến đầu tư ở nước ngoài, quảng bá đến bạn bè quốc tế về vùng đất, văn hóa và con người Trà Vinh.

Công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài từng bước phát huy hiệu quả; hoạt động tư vấn, tuyển chọn, giáo dục định hướng, đào tạo ngoại ngữ, đào tạo nghề được các cơ quan, đơn vị chức năng của tỉnh và doanh nghiệp tổ chức hội thảo, hướng dẫn, tư vấn cho người lao động tiếp cận được các chính sách về đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.





Trường Đại học Trà Vinh

2. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI CÓ NHIỀU TIẾN BỘ

2.1. Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo

Giáo dục và Đào tạo không ngừng phát triển về quy mô trường, lớp học, cơ sở vật chất, học sinh, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chất lượng dạy và học nâng lên. Tính đến đầu năm học 2019 - 2020, toàn tỉnh có 448 trường (tăng gấp đôi so với năm 1992, bình quân mỗi xã đều có trường mẫu giáo, có từ 1 đến 2 trường Tiểu học và trường THCS; mỗi huyện có từ 3 đến 5 trường THPT, có 01 trường Phổ thông Dân tộc nội trú và 01 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên), với 6.914 lớp, có 209.737 học sinh (chiếm gần 1/4 dân số tỉnh) và gần 16.000 công chức, viên chức và lao động công tác trong ngành giáo dục. Đến nay, học sinh trong độ tuổi đi học chiếm tỷ lệ khá cao (Tiểu học: 99,9%, THCS: 98,61%, THPT: 73%); cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học không ngừng được đầu tư (tăng gần 5.000 phòng so với lúc mới tách tỉnh). 100% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố (trong đó 87,3% phòng học kiên cố); có 30,5% trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia; hàng năm học sinh lớp 9 được công

nhận tốt nghiệp THCS đạt trên 98%, học sinh lớp 12 tốt nghiệp THPT đạt trên 96%. Về công tác phổ cập giáo dục: từ tháng 12/1998 tỉnh Trà Vinh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ; từ năm 2008 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở và năm 2015 tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, toàn ngành Giáo dục và Đào tạo đang tích cực triển khai thực hiện đổi mới giáo dục theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tám khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đây là cơ hội và cũng là thách thức đòi hỏi ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh nhà không ngừng phấn đấu để phát triển ngành giáo dục, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh nhà.

2.2. Khoa học công nghệ được chú trọng đầu tư

Toàn tỉnh có trên 20.000 người có trình độ từ đại học trở lên, trong đó có gần 1.450 người có trình độ sau đại học ở hầu hết các lĩnh vực.



Hình lưu niệm giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh tại Hội thảo khoa học "Ứng dụng các quy trình công nghệ và chế phẩm có hoạt tính sinh học để nuôi tôm và sản xuất hữu cơ"



Đua ghe ngo trên sông Long Bình tại Lễ hội Ok Om Bok

Cơ cấu ngành nghề đào tạo theo hướng ngày càng đồng bộ và cơ bản phù hợp với quy hoạch cán bộ; số lượng trí thức trẻ có trình độ sau đại học là nữ, là người dân tộc ngày càng tăng.

Các đề tài khoa học đã xây dựng và tạo lập cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nghiên cứu ứng dụng rộng rãi có hiệu quả công nghệ sinh học nhằm tạo bước đột phá phát triển nông nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại. Công tác bảo hộ, hỗ trợ đăng ký chứng nhận bảo hộ hàng hóa, sản phẩm của tỉnh được quan tâm đúng mức.

2.3. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình, thể dục, thể thao phát triển

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đạt kết quả tích cực. Bảo tồn, duy tu, tôn tạo và phát

huy tốt các di tích văn hóa, đến nay có 42 di tích được xếp hạng (15 di tích cấp quốc gia, 27 di tích cấp tỉnh), 01 bảo vật quốc gia, 05 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

Hoạt động thông tin, truyền thông phát triển, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các đài truyền thanh cấp huyện, trạm truyền thanh cấp xã nâng cao chất lượng nội dung, tuyên truyền, kịp thời thông tin, tuyên truyền phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; phát huy những điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả để nhân rộng.

Các cơ quan hành chính nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; 100% cán bộ, công chức được cung cấp hộp thư điện tử công vụ; 100% cơ quan, đơn vị sử dụng phần mềm văn phòng điện tử và được triển khai chứng thư số. Các cơ quan, ban ngành chú trọng hơn đến việc ứng dụng các tiện ích của mạng xã hội để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cho các tầng lớp nhân dân.

Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh, số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên không ngừng tăng cao. Công tác xã hội hóa lĩnh vực thể dục, thể thao ngày càng được chú trọng.

2.4. Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được tốt hơn

Mạng lưới y tế các cấp được tăng cường, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, đảm bảo điều kiện chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế và có bác sĩ, 94,33% xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Công tác xã hội hóa lĩnh vực y tế phát triển mạnh, hình thành nhiều phòng khám, bệnh viện ngoài công lập. Số giường bệnh vào năm 1992 chỉ có 750 giường, đến nay đã



Hoạt động khám chữa bệnh

đạt 22,26 giường bệnh/vạn dân. Nhân lực của ngành y tế từ 1.480 người (trong đó chỉ có 137 bác sĩ và 05 dược sĩ đại học), đã tăng lên 3.100 người (trong đó có 752 bác sĩ và 87 bác sĩ ngoài công lập), đạt 8,31 bác sĩ/vạn dân.

Các chương trình mục tiêu y tế, công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện có hiệu quả, ý thức phòng bệnh của Nhân dân được nâng lên, kịp thời dập tắt các ổ dịch bệnh, không để xảy ra dịch lớn trên diện rộng.

Chính sách dân số, gia đình và trẻ em được các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tốt trên nhiều mặt. Độ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 96,25% dân số.

2.5. Thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, chính sách đối với người có công và bảo trợ xã hội

Khi tái lập tỉnh, Trà Vinh có gần 20% hộ đói, 40% hộ nghèo. Đến cuối năm 2019, không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,33%.

Hệ thống cơ sở dạy nghề được đầu tư phát triển. Đến nay, toàn tỉnh có 17 cơ sở dạy nghề công lập và nhiều doanh nghiệp tham gia dạy nghề; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng dần hàng năm; đến năm 2019 có khoảng 65,56% lao động qua đào tạo. Tỷ lệ lao động thất nghiệp còn dưới 2,94%.

Công tác đến ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước được toàn xã hội quan tâm. Toàn tỉnh hiện có 64.460 người có công với cách mạng được ghi nhận, tôn vinh, hưởng trợ cấp ưu đãi của Nhà nước và sự chăm lo của các tầng lớp nhân dân. Đã xây dựng mới và bàn giao 18.693 căn nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn; 157 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng suốt đời.

Đến nay, tỉnh có 01 Trung tâm và 03 cơ sở bảo trợ xã hội, tiếp nhận và chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung 200 đối tượng là người cao tuổi, neo đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, người khuyết tật... Đồng thời, giải quyết tốt các chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng và đột xuất cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; giải quyết tốt chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội định kỳ và đột xuất.



Bàn giao nhà tình nghĩa cho cựu thanh niên xung phong xã An Trường, huyện Càng Long

3. VỀ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Quang cảnh Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

- Thành tựu lĩnh vực quản lý đất đai: Công tác Quản lý đất đai trong thời gian qua của tỉnh Trà Vinh đã đạt nhiều kết quả thiết thực, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Trà Vinh được quan tâm đúng mức và được nghiêm túc thực hiện; việc lập, thẩm định và xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Trà Vinh thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; các chỉ tiêu sử dụng đất cơ bản phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh; công tác quản lý, sử dụng đất đai luôn được kiểm tra, thanh tra thường xuyên đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, phát huy được nguồn lực đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

- Thành tựu lĩnh vực bảo vệ môi trường: Kể từ khi tái lập tỉnh năm 1992 đến nay, công tác bảo vệ môi trường vẫn luôn được tỉnh chú trọng và tăng cường thông qua các chính sách và chiến lược thực thi công tác bảo vệ môi trường kết hợp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

trong nhân dân, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm và đã đạt được những thành tựu nhất định đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hiện nay 100% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 99,23%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 3,93%.

- Thành tựu lĩnh vực quản lý tổng hợp biển và đảo: Được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, cơ cấu kinh tế, xã hội vùng ven biển tỉnh Trà Vinh có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân được nâng lên, quốc phòng - an ninh được giữ vững; kết cấu hạ tầng đã được đầu tư nhiều hơn; Khu kinh tế Định An được phê duyệt theo Quyết định số 69/2009/QĐ-TTg, ngày 27/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Trung tâm Điện lực Duyên Hải, gồm 03 nhà máy nhiệt điện đốt than với công suất trên 4.400 MW; dự án Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu đi vào hoạt động cùng với cảng Trà Vinh, cảng Trà Cú và cảng Cái Cui - Cần Thơ, thông ra Biển Đông là hệ thống giao thông thủy



Phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005, mã số VILAS 280

huyết mạch cả khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời khu vực biển và ven biển tỉnh Trà Vinh có đủ điều kiện để xây dựng cảng trung chuyển quốc tế và phát triển các loại hình dịch vụ biển; một số công trình xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả; cảng cá Láng Chim (huyện Duyên Hải), bến cá Định An (huyện Trà Cú), các làng cá Định An, Mỹ Long, Đông Hải, Vĩnh Bảo; 02 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá ở cửa Cung Hầu, cửa Định An và các công trình đê kè chống biển đổi khí hậu; Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; thành lập thị xã Duyên Hải ven biển là nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng biển và ven biển.

- Thành tựu lĩnh vực tài nguyên nước: UBND tỉnh phê duyệt Danh mục cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; Thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc khai thác tài nguyên nước và đặc biệt về chất lượng nước cung cấp sinh hoạt cho người dân; Thực hiện tìm kiếm nguồn nước sinh hoạt phục vụ chống hạn, xâm nhập mặn theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện phương án "Cung cấp nước sinh hoạt khắc phục sự cố môi trường do hạn hán và xâm nhập mặn". Kết quả đã thi công mở rộng mạng lưới cung cấp nước sinh hoạt của Trạm cấp nước xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho 171 hộ dân trong khu vực thực hiện phương án.

- Thành tựu lĩnh vực khoáng sản: Tiến hành thực hiện công tác quy hoạch để việc quản lý khai thác đạt hiệu quả cao như: Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cát lòng sông tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; điều tra, đánh giá nguồn khoáng sản đất sét trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cát san lấp ven biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

4. THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm và làm việc tại Trà Vinh

Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các chương trình, mục tiêu quốc gia: đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, nhà ở; hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm; vốn ưu đãi để phát triển sản xuất...; đầu tư xây dựng 07 trường phổ thông dân tộc nội trú ở tất cả các huyện và 01 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh tại thành phố Trà Vinh; thành lập Trường Trung cấp Pali Khmer, Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú... Từ đó, kinh tế - xã hội trong vùng có đông đồng bào Khmer phát triển, đời sống được nâng lên, kéo giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào Khmer; bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy.

Tỉnh Trà Vinh đã triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để các tôn giáo sinh hoạt đúng hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và đúng quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đoàn kết dân tộc, đoàn kết Lương - Giáo được củng cố và phát huy tốt.

5. QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG, AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI ĐƯỢC ĐẢM BẢO

Xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu, lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,63% dân số. Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; củng cố và phát triển phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đấu tranh làm thất bại các hoạt động của các tổ chức phản động thực hiện “diễn biến hòa bình” chống phá Đảng và Nhà nước ta, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo; đấu tranh, phản bác có hiệu quả những thông tin có quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị.



Nữ dân quân tự vệ Trà Vinh tham gia diễu hành



Lực lượng vũ trang tham gia diễu hành

Kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Bảo vệ an toàn chủ quyền an ninh khu vực biên giới biển, góp phần bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, đảm bảo cho sự phát triển kinh tế trọng điểm vùng ven biển của tỉnh.



Lực lượng vũ trang tham gia diễu hành

6. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên theo hướng trong sạch - vững mạnh. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng gắn liền với xây dựng, củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã phát huy truyền thống yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc trong quá trình đấu tranh xây dựng và phát triển.

Năm 1992, có 351 tổ chức cơ sở Đảng, đến nay đã tăng lên 536 tổ chức cơ sở Đảng; năm 1992 có 44,5% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, cuối năm 2018 có 89,54% tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Số lượng đảng viên tăng từ 9.894 đảng viên (trong đó đảng viên nữ 1.184; đảng viên là người Khmer 667; đảng viên là người Hoa 04),



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2015 - 2020

chỉ chiếm 1,08% dân số, đến cuối năm 2019 tăng lên 44.443 đảng viên (trong đó đảng viên nữ 13.347; đảng viên là dân tộc thiểu số 7.542, chiếm tỷ lệ 16,97% dân số). Đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, giữ được phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Trà Vinh luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra, triển khai thực hiện tốt các cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Quốc hội các khóa; tích cực tham gia phát biểu ý kiến tại diễn đàn Quốc hội; tổ chức các cuộc giám sát và khảo sát việc thực hiện chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh; tích cực đóng góp vào các Dự thảo Luật của Quốc hội. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên; đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động có hiệu quả, chất lượng các buổi tiếp xúc cử tri được nâng lên, tiếp thu, giải quyết kịp thời những kiến nghị, phản ánh của cử tri. Thường xuyên thực hiện các cuộc giám sát, nhất là giám sát việc giải quyết ý kiến kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Lãnh đạo quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được tăng cường, tập trung chỉ đạo các ngành và địa phương nêu cao tinh thần trách nhiệm, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được giao; chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh ủy và ban hành một số văn bản thuộc thẩm quyền. Các hoạt động về kiểm tra rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng quy định.

Các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh tổ chức thực hiện tốt các phong trào hành động cách mạng, các cuộc vận động tại địa phương. Quan tâm nắm bắt tình hình tâm trạng, dư luận xã hội trong đoàn viên, hội viên. Thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội, tổ chức nhiều cuộc đối thoại và góp ý xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh.



**BÀI VIẾT VÀ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG
MỘT SỐ SỞ, BAN, NGÀNH CỦA TỈNH**

TIỀM NĂNG VÀ LỢI THẾ ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN

Trà Vinh là tỉnh có những tiềm năng, lợi thế và hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi. Biển Đông và Sông Cửu Long đã cùng kiến tạo nên Trà Vinh - vùng đất màu mỡ, trù phú rất nhiều tiềm năng và lợi thế đầu tư - phát triển.

Tài nguyên nông nghiệp và thủy sản

Trà Vinh có nhiều tiềm năng phát triển với cơ cấu kinh tế đa dạng ngành nghề, nhất là sản lượng lớn về nông nghiệp và thủy sản.

Diện tích gieo trồng lúa hàng năm trên 224.348 ha, sản lượng 1,2 triệu tấn/năm; cây dứa 22.500 ha, trên 18.000 ha cây ăn trái (xoài Châu Nghệ, bưởi năm roi, cam, quýt đường Nhị Long, nhãn, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt Tân Quy, thanh long...) với sản lượng trên 264.000 tấn/năm; cây đậu phộng 4.336 ha/năm, sản lượng 23.120 tấn/năm; cây bắp 3.748 ha/năm, sản lượng 20.384 tấn/năm;



Cánh đồng lớn xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần



Chế biến tôm xuất khẩu

Chăn nuôi với đàn heo 250.000 con/năm, đàn bò 210.000 con/năm, đàn dê 20.000 con, đàn gia cầm 7,5 triệu con.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản: 50.350 ha (diện tích nuôi tôm sú 20.500 ha), tổng sản lượng thủy sản đạt 217.653 tấn. Trong đó: khai thác hải sản 82.762 tấn, nuôi trồng thủy sản 134.891 tấn/năm (trong đó tôm sú 12.720 tấn, tôm thẻ chân trắng 49.798 tấn), cá lóc 37.271 tấn, cá tra 10.271 tấn/năm, cua 6.568 tấn/năm, nghêu, sò 1.589 tấn/năm...

Thêm lục địa từ cửa Cung Hầu đến cửa Định An hiện có 661 loài thủy sản sinh sống, đa phần đều có giá trị kinh tế. Ngoài khơi xa có nhiều loại hải sản có giá trị thương phẩm cao như cá ngừ, cá hồng, cá chim, cá thu,... với trữ lượng khoảng 1,2 triệu tấn. Trà Vinh hiện có 1.189 tàu khai thác hải sản trên biển với tổng công suất 145.105 CV, trong đó có 200 tàu hoạt động các ngư trường khơi xa.



Rừng ngập mặn tỉnh Trà Vinh

Với nguồn nguyên liệu dồi dào và sản lượng lớn về nông nghiệp, thủy sản trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đây là nguồn nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến. Ngoài ra, với thuận lợi về vị trí địa lý và tiềm năng về thủy, hải sản sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nuôi tôm sinh thái, tôm hữu cơ và nuôi tôm công nghệ cao.

Tài nguyên khoáng sản

Đa dạng, phong phú, trữ lượng khá như: khoảng 8.500 ha đất rừng và các loại khoáng sản như: cát, đất sét, mỏ nước khoáng có chứa thành phần bicacbonat natri (NaCO_3) khá cao, đạt tiêu chuẩn khoáng cấp quốc gia, với nhiệt độ $38,5^\circ\text{C}$, khả năng khai thác khoảng $2.400 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Các loại khoáng sản này phục vụ tốt cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng và du lịch nghỉ dưỡng.

Khu công nghiệp của tỉnh

Trên địa bàn tỉnh có 03 Khu công nghiệp và 01 Khu kinh tế: Khu công nghiệp Long Đức (100 ha) có 35 dự án đang hoạt động với tổng vốn đăng ký 3.143,26 tỷ đồng. Khu công nghiệp Cổ Chiên (200 ha) và Khu công nghiệp Cầu Quan (130 ha) đang kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật và đầu tư sản xuất kinh doanh. Khu kinh tế Định An (39.020 ha) có các khu chức năng: Khu phi thuế quan, các khu công nghiệp, kho ngoại quan, khu cảng và dịch vụ cảng, khu dịch vụ công nghiệp, khu dịch vụ giải trí, du lịch,...; Quy hoạch với các ngành nghề chủ yếu như sản xuất điện năng, luyện thép, hóa dầu, công nghiệp đóng tàu biển cùng với các ngành công nghiệp hỗ trợ khác; phát triển khu du lịch; kinh tế cảng, khu phi thuế quan gắn với cảng và khu dân cư đô thị. Hiện nay, Khu kinh tế có 48 dự án, tổng vốn đăng ký 154.769,79 tỷ đồng. Tính đến nay, tổng số dự án trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp được cấp giấy chứng nhận đầu tư là 83 dự án, với tổng vốn đăng ký là 157.913,05 tỷ đồng.

Chính sách đầu tư: Lãnh đạo tỉnh cam kết có chính sách tốt nhất cho nhà đầu tư như: ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư về thuế, đất đai, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đào tạo lao động, xử lý môi trường, hỗ trợ đầu tư đường giao thông dẫn đến chân hàng rào dự án, các công trình điện, nước,... Chính sách đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch, giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế "Một cửa", "Một cửa liên thông", rút ngắn 50% thời gian thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Hệ thống bến cảng

Toàn tỉnh được quy hoạch 04 bến cảng (01 cảng sông và 03 cảng biển): Trong đó, 02 cảng đang hoạt động (cảng sông Long Đức, cảng biển Trung tâm Điện lực Duyên Hải cho tàu tải trọng 30.000 tấn than và cho tàu tải trọng 1.000 tấn dầu, với công suất bốc dỡ 12 triệu tấn than/năm và 100.000 tấn dầu/năm) và các cảng hiện đang thi công hạ tầng (cảng Trà Cú,



Khu kinh tế Định An là một trong 8 khu kinh tế ven biển được ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 của cả nước

cảng biển Định An), riêng cảng biển Định An khi đưa vào hoạt động sẽ là cảng tổng hợp container 30.000 - 50.000 tấn vừa làm nhiệm vụ trung chuyển hàng hóa cho cảng Cái Cui (Cần Thơ) vừa làm nhiệm vụ xuất nhập khẩu trực tiếp. Dự kiến tăng lên 160.000 - 200.000 tấn.

Nguồn lao động dồi dào

Ngoài bậc phổ thông, tỉnh có 01 trường Đại học, 02 trường Cao đẳng, 01 trường Trung cấp và 20 cơ sở đào tạo, dạy nghề. Trường Đại học Trà Vinh đào tạo theo mô hình đa cấp, đa ngành, với số lượng sinh viên hàng năm hơn 20.000 sinh viên, hàng năm tốt nghiệp từ 5.000 - 6.000 sinh viên, cung cấp cho thị trường lao động trong và ngoài tỉnh; bên cạnh đó, lực lượng lao động trong độ tuổi chiếm khoảng 60% dân số, tỉ lệ lao động qua đào tạo 65,56%.

Với tiềm năng hiện có của tỉnh, sẽ đảm bảo đủ điều kiện để kêu gọi nhà đầu tư phát triển vùng nuôi tôm công nghệ cao, sinh thái; phát triển các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch,... Tỉnh Trà Vinh cam kết thực hiện nhiều chính sách và điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu

tư: về ưu đãi đầu tư, Tinh cam kết thực hiện tốt chính sách ưu đãi về đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam với chính sách ưu đãi và môi trường đầu tư thông thoáng nhất, nhằm tạo cho các nhà đầu tư hoạt động có hiệu quả.

Về cải cách thủ tục hành chính: Trà Vinh đã và đang thực hiện cải cách hành chính trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giải quyết các thủ tục đầu tư theo cơ chế công khai, minh bạch, “Một cửa liên thông”, đảm bảo nhanh chóng, đáp ứng tốt nhu cầu của các nhà đầu tư.

Đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng để đáp ứng nhu cầu triển khai dự án của nhà đầu tư.

Về hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, cấp thoát nước...) đồng bộ, hoàn chỉnh, thuận tiện cho việc sản xuất kinh doanh, vận chuyển, giao dịch hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh như: hệ thống thông tin liên lạc, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khách sạn, nhà hàng, văn phòng cho thuê, các dịch vụ vui chơi, giải trí khác...

Sở Kế hoạch và Đầu tư



Lễ trao bằng tốt nghiệp cho sinh viên của Trường Đại học Trà Vinh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÀ VINH CHUNG TAY THU HÚT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, KINH TẾ TẬP THỂ



Đoàn công tác của tỉnh xúc tiến đầu tư tại Đài Loan

Trà Vinh khi mới tái lập là một trong những tỉnh khó khăn nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tuy nhiên qua 28 năm nỗ lực phấn đấu, được sự đồng thuận, phối hợp, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, cùng với sự sáng tạo, vượt khó của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên toàn tỉnh nói chung, cán bộ, công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư nói riêng, đã góp phần xây dựng một Trà Vinh với nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật, phát triển khá toàn diện về mọi mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội như hiện nay.

28 năm trôi qua đã đánh dấu một bước phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội của tỉnh, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ở mức cao (*giai đoạn 1996 - 2000 tăng 8,87%; giai đoạn 2000 - 2010 tăng 11,64%; giai đoạn 2010 - 2015 tăng 11,53%; 04 năm 2016 - 2019 tăng 12,3%*), thu ngân sách gấp 121 lần năm 1992; sản xuất nông nghiệp từ chỗ nhỏ lẻ,



Đoàn công tác của tỉnh xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản

năng suất thấp đến nay đã có nhiều chuyển biến tích cực, hình thành nhiều mô hình sản xuất lớn, hiệu quả, đến cuối năm 2019 giá trị sản xuất gấp 62 lần năm 1992; công nghiệp phát triển vượt bậc, giá trị sản xuất năm 2019 gấp 143 lần năm 1992; các mặt văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả khả quan, nhất là trong công tác giảm nghèo, khi tái lập tỉnh Trà Vinh có gần 20% hộ đói, 40% hộ nghèo nhưng đến cuối năm 2019, không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 3,33%...

Những con số ấn tượng đó là kết tinh trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Góp phần đạt được những thành tựu đó, không thể không nhắc đến những đóng góp của việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, đặc biệt là trong thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan có nhiều đóng góp quan trọng thông qua việc tham mưu đề xuất, triển khai các cơ chế, chính sách, tư vấn, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp đến tìm hiểu cơ hội đầu tư, khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Trong thu hút đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường

đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đặc biệt là triển khai thực hiện Nghị quyết số 02, Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 35 của Chính phủ. Có thể nói, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu tàu cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương trong thu hút đầu tư; thực hiện tốt chủ trương cải cách hành chính trong thu hút đầu tư, thành lập doanh nghiệp; từ tháng 8/2019 đã chuyển Phòng Đăng ký Kinh doanh đến hoạt động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo phương châm 04 tại chỗ (tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, xét duyệt và trả kết quả).

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu xây dựng và phát hành các brochure giới thiệu các chính sách ưu đãi, dự án kêu gọi đầu tư; công tác xúc tiến đầu tư được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, phong phú trong và ngoài nước, đặc biệt trong năm 2019 đã tổ chức thành công 03 chuyến xúc tiến đầu tư nước ngoài tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, qua đó đã đạt được nhiều thỏa thuận và ký kết được 10 bản ghi nhớ hợp tác.

Với sự đóng góp trên, thời gian qua các tập đoàn, doanh nghiệp trong, ngoài nước đến tìm hiểu và đầu tư tại Trà Vinh ngày một nhiều, đặc biệt trong năm 2019 có các tập đoàn lớn đến tìm hiểu, khảo sát lập dự án đầu tư tại Trà Vinh như FLC, Lavifood, Trungnam Group... Tính đến nay, tỉnh đã thu hút được 351 dự án đầu tư (gấp 117 lần năm 2005), trong



Đoàn công tác của tỉnh xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc

đó có 41 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 310 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký trên 106.000 tỷ đồng; có 2.514 doanh nghiệp (gấp 9,8 lần năm 1995), vốn đăng ký 31.323 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 95.283 lao động.

Bên cạnh đó, với vai trò là cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu thực hiện tốt việc củng cố, sắp xếp lại hoạt động của Hợp tác xã, là một trong 05 tỉnh hoàn thành sớm nhất việc chuyển đổi hoạt động của các Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012, đến cuối năm 2019 toàn tỉnh có 167 Hợp tác xã đang hoạt động (gấp 5,4 lần năm 1995), 100% xã, phường, thị trấn có Hợp tác xã.

Thành tựu sau 28 năm tái lập tỉnh là kết quả phấn đấu xây dựng và phát triển của toàn Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân, cộng đồng Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Dù trong thời kỳ nào, hoàn cảnh nào thì đều có thể khẳng định, những thành tựu của đất nước nói chung, của tỉnh nói riêng đều có dấu ấn và những đóng góp quan trọng của nhiều thế hệ cán bộ ngành Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư tự hào là cơ quan tham mưu tổng hợp, trong suốt chặng đường 28 năm xây dựng và phát triển, tập thể cán bộ, công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nỗ lực không ngừng nghỉ, thực hiện nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, đảm nhiệm tham mưu và đóng góp to lớn cho thành tựu kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Phát huy tinh thần đó, với phương châm “Chính xác, Kịp thời, Hiệu quả”, thời gian tới, Sở Kế hoạch và Đầu tư tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có tâm, có tài, có tầm, thực sự làm việc có trách nhiệm, chuyên nghiệp, trung thực, kỷ luật, kỷ cương, chủ động sáng tạo đặt ra và tham mưu giải quyết hiệu quả những nhiệm vụ mang tính chiến lược lâu dài phục vụ cho sự nghiệp phát triển, xứng đáng là cơ quan tham mưu lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư

NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỈNH TRÀ VINH 28 NĂM QUA (1992 - 2020)

Mừng Đảng Cộng sản Việt Nam tròn 90 tuổi (03/02/1930 - 03/02/2020) và mừng Xuân Canh Tý năm 2020; đặc biệt nhân sự kiện trọng đại của tỉnh: Kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh Trà Vinh (1900 - 2020) và hướng tới kỷ niệm 28 năm Trà Vinh được tái lập từ tỉnh Cửu Long (5/1992 - 5/2020)... Đảng bộ, quân và dân Trà Vinh rất tự hào với những thành tựu đạt được về kinh tế, văn hóa - xã hội; quốc phòng - an ninh. Đáng chú ý, nhìn lại chặng đường phát triển của 28 năm qua, Trà Vinh đã tạo những "dấu ấn" đầy thuyết phục giữa 02 thời điểm: Những ngày đầu của năm 1992 và 2020 thật ấn tượng, trong đó có ngành Công - Thương.



Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh thăm Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải

Với tinh thần quyết tâm chính trị cao, nỗ lực phấn đấu xây dựng, củng cố và phát triển, 28 năm qua, ngành Công - Thương của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trong góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhìn lại giá trị sản xuất công nghiệp năm 1992 của tỉnh chỉ đạt 270 tỷ đồng, thì cuối năm 2019 đạt 38.584 tỷ đồng tăng gấp 143 lần so với năm 1992. Đầu tiên phải nói đến lĩnh vực



Phó Thủ tướng Chính phủ **Trịnh Đình Dũng** thăm và làm việc tại Trung tâm Điện lực Duyên Hải

phát triển, đầu tư điện: năm 1992, toàn tỉnh có 13.330 hộ sử dụng điện, chiếm 7,14% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, hiện nay là 272.911 hộ, đạt 98,95%. Riêng lưới điện, 28 năm qua, tỉnh đã phát triển hơn 2.504 km đường dây trung thế, 5.166,34 km đường dây hạ thế, 5.569 trạm biến thế (448.217 KVA). Nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 2.695,39 km đường dây trung thế, 5.206,91km đường dây hạ thế, 5.696 trạm biến thế (462.315,5 KVA). Đặc biệt là, đầu tư lưới điện âm vượt sông Cấp điện Cồn An Lộc - xã Hòa Tân - huyện Cầu Kè và cồn Phụng - xã Long Hòa - huyện Châu Thành.

Tỉnh được Trung ương quan tâm đầu tư Trung tâm Điện lực Duyên Hải, tổng công suất 4.415 MW, gồm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 (công suất 1.245 MW) đã đưa vào vận hành thương mại từ tháng 01/2016; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 (1.245 MW) đã đưa vào vận hành thương mại từ tháng 03/2017; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng (680 MW) dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào vận hành thương mại vào quý I/2020; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 (công suất 2x622,5 MW) đang triển khai xây dựng dự kiến sẽ phát điện thương mại vào năm 2021. Đồng thời, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 05 nhà đầu tư điện gió công suất lắp đặt 270 MW,



Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh **Đông Văn Lâm**, giới thiệu với Phó Thủ tướng Chính phủ **Trịnh Đình Dũng** về quy hoạch điện trên địa bàn tỉnh

dự kiến năm 2020 hoạt động. Bên cạnh đó, dự án Nhà máy điện mặt trời với tổng công suất 165 MW đã đi vào hoạt động, bình quân phát điện 250 triệu kWh/năm. Điện mặt trời áp mái nhà đã lắp đặt 219 công tơ 02 chiều, công suất 2.357,44 kWp.

Trên lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 1992 đạt 702 tỷ đồng, đến nay đạt 36.781 tỷ đồng. Hệ thống Trung tâm mua sắm, siêu thị, cửa hàng tiện ích năm 1992 chưa có, nay tỉnh đã có Trung tâm thương mại, 07 siêu thị (03 siêu thị chuyên doanh và 04 siêu thị tổng hợp); 18 cửa hàng tiện ích (11 cửa hàng Bách hóa Xanh; 07 cửa hàng Vinmart+); 08 máy bán hàng tự động,... góp phần hình thành nét văn minh thương mại và 116 chợ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Hàng hóa cung ứng trên thị trường đa dạng và phong phú, mạng lưới phân phối, kinh doanh mở rộng. Hoạt động xúc tiến thương mại đã tổ chức cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia hội chợ trong và ngoài nước, hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa,... đã giúp cho nhiều mặt hàng của tỉnh thâm nhập được vào các kênh phân phối hiện đại.

Xuất phát từ sự quan tâm, đồng hành cùng doanh nghiệp, tỉnh đã đẩy mạnh công tác khuyến công, giai đoạn 2008 - 2019

là 14,437 tỷ đồng với nhiều nguồn đã triển khai 56 Đề án hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp thay đổi máy móc thiết bị; đào tạo nghề, truyền nghề cho 5.176 lao động, bên cạnh đó tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề phục vụ phát triển công nghiệp, tiết kiệm năng lượng và tham quan học tập kinh nghiệm. Đặc biệt, phát triển doanh nghiệp lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hàng năm đều tăng. Năm 1995, toàn tỉnh có 4.154 cơ sở, doanh nghiệp, 15.258 lao động, hiện nay có 10.688 cơ sở, doanh nghiệp và hộ cá thể, 54.413 lao động.

Khu, Cụm công nghiệp được tỉnh quan tâm đầu tư, đến nay Khu công nghiệp Long Đức đi vào hoạt động cơ bản lấp đầy, Khu Kinh tế Định An là đầu mối giao thông liên vùng, thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa giữa tỉnh Trà Vinh với các tỉnh khác trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và quốc tế; hình thành 04 Cụm công nghiệp, phát triển 13 làng nghề, là cơ sở để khai thác tiềm năng, thúc đẩy công nghiệp phát triển. Hạ tầng thương mại được đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Triển khai thí điểm và hình thành được một số mô hình quản lý hiệu quả, tạo nét văn minh thương mại. Công tác xúc tiến, kết nối thị trường ngày càng có chiều sâu; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, quảng bá, phát triển thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm.



Bí thư Tỉnh ủy **Trần Trí Dũng** tham quan gian hàng tại Hội chợ

Công tác cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp và hoạt động khuyến công được triển khai thường xuyên, liên tục góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh.

Trong thời gian tới, ngành Công Thương sẽ đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phát động doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sản xuất mới, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm, đào tạo nâng cao tay nghề, năng lực quản lý cho các cơ sở doanh nghiệp. Kết hợp phát huy Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề theo hướng hài hòa giữa giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường. Duy trì việc trao đổi thông tin, công tác bình ổn thị trường, giá, mời gọi đầu tư xây dựng chợ. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; quan tâm xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm phục vụ xúc tiến thương mại, mở rộng phát triển thị trường. Liên kết sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp, người sản xuất, nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị hàng hóa. Tổ chức tốt các cuộc hội chợ trong tỉnh và tham gia các kỳ hội chợ trong và ngoài nước; khuyến khích tạo điều kiện phát triển thương mại điện tử; duy trì và phát huy hiệu quả sàn giao dịch thương mại điện tử góp phần nâng cao chỉ số PCI của tỉnh.

Với những thành tựu đã đạt được trong 28 năm qua, là tiền đề góp phần để phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà, giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến 2030, nhiệm vụ đặt ra hết sức nặng nề. Ngành sẽ tập trung đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ của ngành hàng năm được Bộ Công Thương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

Sở Công Thương

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH TRÀ VINH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

Ban Quản lý Khu kinh tế (KKT) tỉnh Trà Vinh được thành lập theo Quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 05/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ từ việc sáp nhập Ban Quản lý Khu công nghiệp (KCN) tỉnh Trà Vinh (được thành lập theo Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ).

Thành tựu nổi bật

Những năm đầu được thành lập, hàng năm KCN Long Đức chỉ có vài doanh nghiệp đến khảo sát, tìm hiểu môi trường đầu tư, quyết định thuê đất, đầu tư nhà xưởng sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách không quá 300 triệu đồng/năm và giải quyết rất ít lao động của địa phương khoảng 2.000 người.

Năm 2019, lãnh đạo Ban đã tiếp và làm việc với khoảng 90 lượt nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu chính sách đầu tư, khảo sát thực tế tại KKT, KCN; Xây dựng Chương trình



Bản đồ quy hoạch Khu kinh tế Định An

xúc tiến đầu tư và tham gia cùng lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh đi xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản, Hàn Quốc; Tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm về phát triển KKT, các KCN tại các tỉnh Đồng Tháp, Cà Mau, Bạc Liêu; tham quan quy trình sản xuất vật liệu xây dựng không nung từ tro, xỉ nhà máy nhiệt điện và xúc tiến đầu tư tại tỉnh Quảng Ninh và Nhà máy sản xuất gạch Tuynel của Công ty Cổ phần Thủy sản Thông Thuận tại tỉnh Kiên Giang,... Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án điện gió tại 04 vị trí gồm V1-7, V3-2, V3-3, V3-8; Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án du lịch sinh thái tại nông trường 22/12,...

Trong năm 2019, đã thực hiện cấp mới 15 giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) trong KKT, KCN với tổng số vốn đăng ký là 8.237,48 tỷ đồng, đạt 150% so với kế hoạch năm 2019 (vượt 50% kế hoạch đề ra). Qua đó, lũy kế từ trước đến hết năm 2019 đã thu hút được 83 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là: 157.913,05 tỷ đồng, cụ thể (KKT Định An đã thu hút đầu tư được 48 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký đầu tư là 154.769,79 tỷ đồng; KCN Long Đức đã thu hút đầu tư được 35 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký đầu tư là 3.143,26 tỷ đồng). Thực hiện điều chỉnh 14 dự án đầu tư trong KKT, KCN nội dung điều chỉnh chủ yếu là vốn, diện tích và tiến độ thực hiện dự án; chấp thuận gián tiếp độ đầu tư cho 08 dự án 05 dự án đã được thông báo để thực hiện ký quỹ.

Ngoài ra, trong công tác quản lý đầu tư: Lãnh đạo Ban duy trì đối thoại thường xuyên với các nhà đầu tư nhằm phát hiện và tham mưu xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án đang hoạt động, đảm bảo các dự án hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ. Họp mặt doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2019 và thường xuyên rà soát các dự án chậm triển khai, chưa triển khai thực hiện so với đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để thu hồi dự án để mời gọi nhà đầu tư khác đầu tư.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Tổng giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước đạt: 20.000 tỷ đồng,

tăng 22,05% so với năm 2018, đạt 111,11% kế hoạch năm 2019 (vượt 11,11%).

+ Tổng doanh thu ước đạt: 31.000 tỷ đồng, tăng 28,19% so với năm 2018, đạt 119,23% kế hoạch năm 2019 (vượt 19,23%).

+ Tổng kim ngạch xuất khẩu (Khu công nghiệp Long Đức) ước đạt: 320 triệu USD, tăng 7,31% so với năm 2018, đạt 103,22% kế hoạch năm 2019 (vượt 3,22%), trong đó doanh nghiệp FDI đạt 299 triệu USD.

+ Giá trị nhập khẩu ước đạt: 450 triệu USD, tăng 25,06% so với năm 2018, đạt 128,57% kế hoạch năm 2019 (vượt 28,57%).

+ Nộp ngân sách ước đạt: 1.400 tỷ đồng, tăng 93,92% so với năm 2018, đạt 186,66% kế hoạch năm 2019 (vượt 86,66%).

Về lao động và mức thu nhập: Tổng số lao động hiện tại: 18.995 người, tăng 1.246 người so với năm 2018, trong đó, lao động Việt Nam: 17.918 người, tăng 668 người và lao động nước ngoài: 1.077 người, tăng 578 người.

Các doanh nghiệp trong KKT, KCN đang thực hiện tốt quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được quy định tại Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và chú trọng bổ sung các chế độ và phúc lợi khác để tăng thu nhập cho người lao động (*tiền xăng, điện thoại, trợ cấp đời sống, nhà ở, trợ cấp nuôi con nhỏ...*). Qua đó, tiền lương bình quân: 4,5 triệu đồng/người/tháng và thu nhập bình quân: 5,9 triệu đồng/người/tháng. Nhìn chung, tiền lương của người lao động tại các doanh nghiệp tăng so với năm 2018, cụ thể tiền lương bình quân tăng 7,1% và thu nhập bình quân tăng 3,6%.

Định hướng phát triển trong thời gian tới

Mục tiêu

Phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong KKT, các khu công nghiệp; Tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi, xúc tiến đầu tư, đặc biệt là thu hút và phát triển mạnh mẽ các dự án có quy mô lớn; phát triển các ngành, lĩnh vực tại các khu vực ven biển và các khu vực tiềm năng;

đẩy mạnh, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất; hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và khu công nghiệp sinh thái,...

Nhiệm vụ

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KKT cửa khẩu, KCN, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2030.

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 29/6/2017 của Tỉnh ủy Trà Vinh về phát triển KKT, KCN tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

Thực hiện Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh khai thác tốt tiềm năng kinh tế biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh gắn với thu hút đầu tư vào KKT Định An.

Ban Quản lý Khu kinh tế đề ra chỉ tiêu phấn đấu cụ thể trong giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

+ Về công tác xúc tiến đầu tư: Thu hút được 40 dự án, trong đó tập trung thu hút các dự án trọng điểm như: Các dự án hạ tầng KCN và hạ tầng các khu chức năng trong Khu kinh tế Định An tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án đầu tư thứ cấp được dễ dàng.

+ Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân hàng năm sẽ đều đạt từ 10% đến 15%.

+ Kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 09% trở lên.

+ Nộp ngân sách sẽ tăng thêm bình quân trong 05 năm từ 500 tỷ đồng trở lên.

+ Thu hút lao động 05 năm từ 5.000 người trở lên.

Ban Quản lý Khu kinh tế

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TRÀ VINH QUA 28 NĂM TÁI LẬP TỈNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

Những thành tựu nổi bật qua 28 năm tái lập tỉnh

Tỉnh Trà Vinh trước khi tái lập tỉnh năm 1992, hệ thống giao thông của tỉnh chưa được đầu tư hoàn chỉnh (*toàn tỉnh chỉ có 22 km đường được láng nhựa, còn lại chỉ là các tuyến đường đá dăm, đất và một số tuyến chưa thông*) điều kiện kinh tế kém phát triển; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội xuất phát ở mức thấp, đặc biệt ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Đến nay, được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các bộ, ngành Trung ương, đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự



Cầu Láng Chim, xã Long Toàn, thị xã Duyên Hải

phối hợp nhịp nhàng của các sở, ban, ngành tỉnh, các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy điều kiện kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh đã có những bước phát triển nhất định. Nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong tỉnh ngày càng tăng và đa dạng, nhiều công trình giao thông, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn đã được đầu tư, hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, như: Trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn ODA. Đến nay, nhiều công trình đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đạt hiệu quả.

Ngoài nguồn lực từ ngân sách, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động, huy động được nhiều tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là tranh thủ các nguồn vốn của nhà đầu tư và đóng góp của người dân. Nhờ đó, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trong tỉnh có bước phát triển, góp phần bảo đảm quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là phát triển kinh tế - xã



Giao thông nông thôn



Giao thông nông thôn

hội vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn,... Đến nay, hạ tầng giao thông của tỉnh đã có bước phát triển nhất định kết nối tốt với khu vực vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể: Toàn tỉnh có 04 tuyến Quốc lộ 53, 54, 60 và 53B (Quốc lộ 53B thành lập mới theo Quyết định số 326/QĐ-BGTVT ngày 09/02/2018 của Bộ GTVT) với tổng chiều dài 288,50 km, trong đó có 108 km đường bằng bê tông nhựa (chiếm 37,44%) và 180,50 km đường láng nhựa (chiếm 62,56%). Các tuyến Quốc lộ được đầu tư với quy mô từ cấp II đến cấp VI đồng bằng; đường tỉnh có 05 tuyến với tổng chiều dài 228,78 km, trong đó có 178,87 km đường láng nhựa (chiếm 78,18%) và 49,91 km là đường đất, cấp phối (chiếm 21,82%) (bao gồm kéo dài tuyến đường tỉnh ĐT.911 và ĐT.912), quy mô các tuyến đang khai thác đạt tiêu chuẩn từ cấp IV đến cấp VI; đường huyện có 42 tuyến với tổng chiều dài 486,18 km, trong đó có 14,60 km đường bê tông nhựa (chiếm 3,00%); 368,70 km đường láng nhựa (chiếm 75,84%); 102,88 km là đường đất, cấp phối, khác,... (chiếm 21,16%).

Tất cả các tuyến đã được đầu tư đảm bảo đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng cơ bản đáp ứng nhu cầu lưu thông và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Đến nay, có 100% xã đã có đường ô tô đến trung tâm, riêng 06 xã đảo phải qua sông bằng phà (*Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ*); các tuyến đường trục ấp, liên ấp đảm bảo cho xe ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Ngoài ra, hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh, đến nay có tổng cộng 5.545,42 km đường, trong đó có 1.609,30 km đường láng nhựa (*chiếm 29,02%*); 1.029,45 km đường BTXM (*chiếm 18,57%*); đường cấp phối 324,55 km (*chiếm 5,85%*) và 2.582,12 km là đường đất (*chiếm 46,56%*) nhằm phục vụ thiết thực các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Tính đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 55/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 19/19 tiêu chí), riêng tiêu chí số 02 về giao thông có 71/85 xã đạt tiêu chí (*chiếm 83,53%*).

Định hướng phát triển ngành Giao thông Vận tải trong thời gian tới

Tập trung nguồn lực để xây dựng, nâng cấp một số tuyến có nhu cầu vận tải lớn, cơ bản nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy hoạch; xây dựng hoàn thành một số đoạn tuyến đường tỉnh, đường huyện theo quy hoạch được duyệt; coi trọng công tác quản lý, bảo trì để tận dụng tối đa năng lực kết cấu hạ tầng giao thông hiện có của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2025 đưa một số đoạn tuyến đường tỉnh, đường huyện thiết yếu, quan trọng vào cấp kỹ thuật; tăng cường công tác bảo trì các công trình để nâng cao năng lực khai thác; đẩy nhanh tốc độ xây dựng mới các công trình để tạo sự kết nối thông suốt giữa mạng lưới giao thông đường bộ với đường thủy, đường hàng hải, cảng biển, các khu công nghiệp, đặc biệt là Khu kinh tế Định An,... Định hướng thành lập mới hoặc kéo dài một số đường tỉnh, đường huyện. Nâng cấp, mở rộng lựa chọn đầu tư các tuyến đường địa phương (*từ đường tỉnh*

trở xuống) có kết cấu hạ tầng yếu kém để đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng kịp thời phục vụ di dân ở các khu vực ven sông, ven biển đến nơi an toàn nhằm tránh thiệt hại khi bị bão, lũ, triều cường, áp thấp nhiệt đới, biến đổi khí hậu, đồng thời đáp ứng nhu cầu vận tải vận chuyển hàng hóa vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm phục vụ thiết thực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, *cụ thể*:

- **Giai đoạn 2021 - 2025:** Thực hiện đầu tư 14 dự án với tổng số vốn 3.985.525 triệu đồng (*trong đó, ngân sách Trung ương 2.062.235 triệu đồng, vốn địa phương 1.923.290 triệu đồng*).

- **Giai đoạn 2026 - 2030:** Thực hiện đầu tư 15 dự án với tổng số vốn 2.733.864 triệu đồng (*trong đó, ngân sách Trung ương 1.500.149 triệu đồng, vốn địa phương 1.233.715 triệu đồng*).

Sở Giao thông Vận tải



Tuyến đường tránh Quốc lộ 60 đoạn qua thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUA 28 NĂM TÁI LẬP TỈNH TRÀ VINH

Với chủ trương đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ phục vụ phát triển bền vững ngành nông nghiệp nhằm thực hiện thành công Nghị quyết Trung ương VII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Trong thời gian qua, Ngành Nông nghiệp tỉnh nhà đã cụ thể các văn bản quy định pháp luật và được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh. Qua 28 năm hình thành và phát triển, Ngành Nông nghiệp đã đạt được một số thành tựu nổi bật trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, như sau:

Trên lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

Tỉnh đã xác định lúa, bắp, đậu phộng, mía, cam, bưởi, xoài, nhãn, chuối, thanh long và dứa là những cây trồng chủ lực ưu tiên phát triển. Trong lĩnh vực này, chú trọng vào công nghệ chọn giống, lai tạo giống và các kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh. Đã có nhiều đề tài, dự án tập trung nghiên cứu với định hướng ứng dụng công nghệ sinh học (nuôi cấy phôi, nuôi cấy mô), sản xuất an toàn, sản xuất hữu cơ (lúa, dứa, cam, quýt đường), ứng dụng công nghệ thông tin trong canh tác lúa thông minh. Việc sử dụng phần mềm quản lý sâu bệnh PPDMS 2.0 để thực hiện công tác dự tính, dự báo dài hạn, trung hạn, ngắn hạn. Ứng dụng công nghệ viễn thám "GIS" để xây dựng bản đồ hiện trạng sản xuất lúa trên lãnh thổ xã, huyện, tỉnh hay cả nước. Ngoài ra, tỉnh đã hình thành và phát triển một số vùng nguyên liệu như: Lúa hữu cơ (160 ha); dứa hữu cơ (500 ha); dứa VietGAP (70 ha); thanh long ruột đỏ, xoài cát Hòa Lộc và cam sành VietGAP (103 ha); rau an toàn (142 ha).

Trên lĩnh vực chăn nuôi

Heo, bò, dê và gia cầm đã xác định là những vật nuôi chủ lực ưu tiên phát triển của tỉnh. Trong lĩnh vực này, tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học trong bình tuyển, chọn lọc, lai cải tạo các giống gia súc lớn, ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo để cải thiện giống bò, heo; các giống gia súc, gia cầm tăng trưởng nhanh cả về số lượng và chất lượng, tiêu tốn lượng thức ăn ít hơn. Đồng thời, việc ứng dụng thành công nhiều loại vacxin có chất lượng đã giúp giảm thiểu chi phí sản xuất ở mức tối đa. Đã có nhiều đề tài, dự án nghiên cứu trên đàn bò tập trung chủ yếu vào thức ăn và quy trình nuôi.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã hình thành được 04 khu chăn nuôi tập trung; 11 mô hình chăn nuôi theo chuỗi liên kết; đầu tư xây dựng 15 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; phát triển được 50 trang trại chăn nuôi quy mô lớn; nhân rộng được trên 9.300 công trình khí sinh học và trên 600 đệm lót sinh học.

Trên lĩnh vực thủy sản

Những vật nuôi chủ lực được tỉnh ưu tiên phát triển bao gồm: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, cua biển, nghêu và cá lóc. Đến nay, nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực thủy sản đã từng bước làm chủ các khâu trong chuỗi sản xuất thủy sản từ nuôi trồng đến chế biến. Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm nước lợ thâm canh mật độ cao, công nghệ xử lý nước,... nhằm đảm bảo tính an toàn sinh học cho môi trường nuôi, và công nghệ sinh học di truyền nhằm tạo ra con giống tốt cho nuôi trồng.

Trên địa bàn tỉnh, đã hình thành vùng 271 ha nuôi tôm nước lợ theo hình thức thâm canh mật độ cao; 1.000 ha nuôi tôm rừng theo tiêu chuẩn sinh thái; 01 doanh nghiệp sản xuất



Mô hình nuôi tôm nước lợ ứng dụng công nghệ cao



Bí thư Tỉnh ủy **Trần Trí Dũng** và Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch UBND tỉnh **Đông Văn Lâm** trao Bằng công nhận Huyện nông thôn mới cho Đảng bộ và Nhân dân huyện Tiểu Cần

cá tra đạt tiêu chuẩn VietGAP; 01 doanh nghiệp đạt chứng nhận là doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.

Trên lĩnh vực xây dựng nông thôn mới

Đến nay, đã có 03/9 đơn vị cấp huyện (huyện Tiểu Cần, huyện Cầu Kè và thị xã Duyên Hải) được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Có 55/85 (64,7%) đơn vị cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, (chiếm tỷ lệ 67%); 13/85 xã đạt từ 14 - 18 tiêu chí; 15/85 xã đạt từ 10-13 tiêu chí; hiện không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí. Bình quân toàn tỉnh đạt 17,96 tiêu chí/xã. Toàn tỉnh có 373/682 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp nông thôn mới (chiếm tỷ lệ 54,7%); có 180.861/223.323 hộ đạt chuẩn hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới (chiếm tỷ lệ 80,9%).

Với kết quả trên tỉnh Trà Vinh đã đạt và vượt chỉ tiêu của Trung ương giao. Đây thực sự là một thành quả to lớn, cho thấy xây dựng nông thôn mới là một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, đã thực sự trở thành một phong trào cách mạng mạnh mẽ, rộng khắp, được cả hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân trong tỉnh nhiệt tình hưởng ứng, tích cực tham gia.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA NGÀNH Y TẾ

28 năm kể từ ngày tái lập tỉnh đến nay, Trà Vinh đã có những bước chuyển mình đáng ghi nhận. Song song với sự phát triển chung của tỉnh, ngành Y tế cũng có những thành tựu nổi bật.

Mạng lưới khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được củng cố và mở rộng; hệ thống mạng lưới cơ sở y tế, trang thiết bị được đầu tư cơ bản đáp ứng đủ khả năng triển khai thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Toàn tỉnh hiện có gần 700 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bao gồm các bệnh viện, phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa, dịch vụ tiêm chủng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà... Bên cạnh các cơ sở y tế công lập, trên địa bàn tỉnh còn có 01 bệnh viện tư nhân là Bệnh viện Đa khoa Minh Tâm; 05 phòng khám đa khoa tư nhân: Thiên Ân, An Phúc, Đặng Tuyển, Hà Anh, Sài Gòn Thành Vinh; số cơ sở hành nghề dược trên địa bàn tỉnh là 994 cơ sở



Lễ Kỷ niệm 59 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955 - 27/02/2014)

(trong đó 105 nhà thuốc, 883 quầy thuốc, 02 cơ sở sản xuất thuốc, 06 cơ sở phân phối thuốc). Số giường bệnh vào năm 1992 chỉ có 750 giường, hiện nay nâng lên 2.247 giường, đạt 22,26 giường bệnh/1 vạn dân. Đội ngũ cán bộ y tế được quan tâm phát triển cả về số lượng và chất lượng, nhân lực của ngành y tế từ 1.480 người (trong đó chỉ có 137 bác sĩ và 05 dược sĩ đại học), đã tăng lên 3.100 người (trong đó có 752 bác sĩ và 87 bác sĩ ngoài công lập), trạm y tế có bác sĩ trực tiếp phục vụ khám, điều trị bệnh, đạt 97,2%; 100% ấp, khóm có nhân viên y tế; số bác sĩ/vạn dân đạt 8,31 bác sĩ. Công tác khám, chữa bệnh được tiếp tục cải thiện ở cả 3 tuyến.

Công tác y tế dự phòng được tăng cường, đã kiểm soát và phòng, chống tốt, phát hiện sớm và khống chế kịp thời các dịch bệnh, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm gây ra; công tác tiêm chủng vắc xin cho trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 5,77%, giảm tỷ suất tử vong người mẹ còn 2‰, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi còn 2‰ và dưới 5 tuổi còn 2,2‰. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tốt, duy trì mức giảm sinh, tỷ lệ tăng dân số bình quân dưới 1‰.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em đạt được nhiều kết quả tích cực; nhiều chương trình, dự án bảo vệ và chăm sóc trẻ em được triển khai thực hiện tốt; có 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; 100% trẻ em mồ côi, lang thang và khuyết tật được chăm sóc; 100% trẻ em dưới 06 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Mạng lưới hành nghề Dược tư nhân được phân bố dần đều từ thành thị đến nông thôn để phục vụ người dân, số cơ sở đạt "thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc" GPP: 994 chiếm tỷ lệ 100% (trong đó Nhà thuốc đạt GPP là 105 cơ sở, trong đó: 105/105 nhà thuốc đã kết nối mạng cơ sở bán lẻ thuốc đạt 100%, Quầy thuốc đạt GPP là 883 cơ sở). 02 Công ty



Hoạt động khám chữa bệnh

được Bộ Y tế Việt Nam cấp chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP-WHO), “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” (GLP), “Thực hành tốt bảo quản thuốc” (GSP), ISO 9001:2000,... 06 Công ty đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc”. Về việc tổ chức lớp tập huấn “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP) và một số văn bản quy phạm pháp luật về hành nghề dược: 850 đối tượng.

Hiện nay, các thủ tục hành chính của Sở Y tế đã được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, đã Ban hành Danh mục Hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với 43 quy trình thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế Trà Vinh. Đồng thời, Sở Y tế cũng ban hành 97 quy trình thuộc lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh; Y tế dự phòng; Giám định y khoa và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Các tổ chức, công dân đến làm việc đều được hướng dẫn, giải quyết các thủ tục hành chính công khai, minh bạch và đúng thời gian theo quy định. Danh sách các cơ sở hành nghề y dược được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế để nhân dân nắm được, từ đó cùng tham gia giám sát hoạt

động của các cơ sở này. Sở Y tế thường xuyên tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở hành nghề y dược. Các cơ sở vi phạm đều bị xử phạt đúng quy định, đồng thời Sở Y tế cũng hướng dẫn các cơ sở này khắc phục các sai phạm và hành nghề y dược theo quy định.

Mục tiêu, định hướng của ngành Y tế trong giai đoạn tới là tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở theo hướng công bằng - hiệu quả - phát triển, bảo đảm an sinh xã hội. Mọi người dân, đặc biệt người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách, người dân vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các nhóm người dễ bị tổn thương được tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, có chất lượng. Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Mọi người đều được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng dân số. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Đẩy nhanh tốc độ phát triển y tế chuyên sâu song song/đồng thời với y tế phổ cập. Mở rộng dịch vụ khám chữa bệnh cho y tế cơ sở. Tăng cường kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, dự phòng và điều trị. Phát triển y tế tư nhân/ngoài công lập, phối hợp công-tư. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, phát triển nhân lực y tế có trình độ cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của ngành Y tế. Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính ngành y tế, tăng nhanh đầu tư công cho y tế, phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, điều chỉnh phân bổ và sử dụng tài chính y tế để tăng hiệu quả. Nâng cao năng lực quản lý, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển hệ thống thông tin y tế; tăng cường giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế.

Sở Y tế

THÀNH TỰU NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH TRÀ VINH SAU 28 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Những ngày đầu khi tái lập tỉnh, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Trà Vinh còn rất nhiều khó khăn, thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu thốn, tạm bợ, xuất phát điểm ngành du lịch thấp, lực lượng cán bộ thực hiện nhiệm vụ, nhất là cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thì mỏng; thực trạng đời sống văn hóa ở cơ sở thì hầu như là vùng “trắng”, chỉ manh nha một vài đội văn nghệ hoạt động cầm chừng... Nhưng bằng vào nghị lực, với tình yêu quê hương giàu truyền thống cách mạng đồng thời được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), toàn ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chung lòng đoàn kết ra quân, bắt tay vào cuộc xây dựng sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh nhà nhằm nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách. Điểm lại quá trình hoạt động qua 28 năm xây dựng và phát triển của ngành Văn hóa,



Khu Văn hóa - Du lịch Ao Bà Om

Thể thao và Du lịch từ sau ngày tái lập tỉnh đến nay, chúng ta có thể tự tin và lạc quan với những thành tựu đã đạt được trên một số lĩnh vực trọng tâm như:

Lĩnh vực hoạt động văn hóa, văn nghệ hoạt động ngày càng hiệu quả đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng, nội dung vở diễn, dàn dựng hơn 220 chương trình kịch bản phục vụ hàng triệu lượt nhân dân trong và ngoài tỉnh. Phong trào *xây dựng đời sống văn hóa cơ sở* mà nòng cốt là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” của tỉnh cũng được các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều thành tích đáng kể. Tính đến nay, toàn tỉnh đã xét công nhận 244.576/273.099 hộ “Gia đình văn hóa”, chiếm tỷ lệ 89,55%; 559/756 “Ấp, Khóm văn hóa”, chiếm tỷ lệ 73,9%; 51/85 “Xã Văn hóa nông thôn mới”, chiếm tỷ lệ 60%; 09/21 “Phường, Thị trấn văn minh đô thị”, chiếm tỷ lệ 42,8%.

Lĩnh vực Thể dục, thể thao: Thực hiện Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Thể dục, thể thao tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 12 tháng 5 năm 2012 của Tỉnh Ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về Thể dục, thể thao đến năm 2020”. Qua một thời gian thực hiện, phong trào Thể dục, thể thao phát triển mạnh, cụ thể về thể thao quần chúng thời gian qua đã tổ chức hơn 500 giải thể thao, thu hút hơn 2 triệu lượt người tham dự; cả tỉnh có khoảng 630 câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên; số người tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên năm 2019 đạt 363.000 người, chiếm tỷ lệ 33% dân số cả tỉnh; số gia đình thể thao năm 2019 đạt 55.177 hộ gia đình, chiếm tỷ lệ 21% tổng số hộ. Về thể thao thành tích cao trong khoảng

10 năm trở lại đây, thể thao thành tích cao đã gặt hái được nhiều thành tích nổi bật, đặc biệt là những tấm huy chương vàng, bạc, đồng cấp Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á và Sea Games ở các môn như bi sắt, taekwondo, bắn cung... Trong giai đoạn này các môn thể thao thành tích cao của tỉnh đã đạt hơn 2.650 huy chương các loại tại các giải cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế.

Lĩnh vực du lịch, thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 48-KH/TU và Kế hoạch số 75-KH/TU về tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá năm 2018 và những năm tiếp theo. Sau một năm thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển du lịch, tỉnh đã tập trung chỉ đạo ngành du lịch theo hướng đẩy mạnh phát triển cộng đồng, du lịch văn hóa, sinh thái nhằm khai thác các tài nguyên tự nhiên sẵn có... và tài nguyên văn hóa nhân văn, tâm linh để phát triển du lịch thông qua chính sách "mềm" hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng theo Nghị quyết số 70/2018/NQ-HĐND theo hình thức xã hội hóa; tranh thủ sự hỗ trợ các dự án nước ngoài, các chuyên gia và mối liên kết với các tỉnh, thành phố để phát triển du lịch. Trong năm 2019, ngành du lịch xây dựng thêm nhiều sản phẩm thu hút khách du lịch như: Điểm du lịch cộng đồng ấp Cồn Chim, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành; tuyến du lịch văn hóa - sinh thái huyện Cầu Kè; tuyến du lịch văn hóa - sinh thái huyện Trà Cú; triển khai xây dựng làng văn hóa - du lịch Khmer tỉnh Trà Vinh; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật khu du lịch biển Ba Động, hạ tầng giao thông khu du lịch sinh thái cù lao Tân Quy... Qua đó, ngành du lịch có những chuyển biến rõ nét và đạt được những kết quả nổi bật góp phần phát triển kinh tế - xã hội và quảng bá hình ảnh của địa phương đến với khách du lịch trong và ngoài nước. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch đến tỉnh Trà Vinh bình quân hàng năm trên 20%/năm. Năm 2018, tổng doanh thu 275,045 tỷ đồng, tăng 30,9% so



Khu du lịch sinh thái cộng đồng Cón Chim

với năm 2017, tổng lượt khách phục vụ đạt 788.000 lượt, tăng 20,9% so với năm 2017. Năm 2019, du lịch Trà Vinh có bước phát triển nhanh về doanh thu và lượng khách. Tổng doanh thu năm 2019 ước 358,84 tỷ đồng, đạt 108,71% kế hoạch, tăng 30,43% so với năm 2018; tổng lượt khách phục vụ ước 1.024.900 lượt, đạt 100,43% kế hoạch, tăng 30,6% so với năm 2018.

Tuy nhiên, du lịch tỉnh Trà Vinh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, nhằm tạo đột phá đưa ngành du lịch thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tỉnh Trà Vinh đặc biệt coi trọng công tác xúc tiến và mời gọi đầu tư để cùng khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch còn nằm dưới dạng “tiềm năng”. Bên cạnh các chính sách ưu đãi đầu tư chung, tỉnh Trà Vinh ban hành nhiều chính sách ưu đãi đầu tư riêng cho các nhà đầu tư khi triển khai các dự án đầu tư du lịch. Người Trà Vinh hiền hòa, thân thiện, mến khách sẽ tạo ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách, các nhà đầu tư, doanh nghiệp khi đến với quê hương Trà Vinh.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH TRÀ VINH

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh được thành lập và đi vào hoạt động đến nay đã gần 28 năm (5/1992 - 12/2019). Trải qua 28 năm hoạt động dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự ủng hộ hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam, cùng với sự phối hợp và chia sẻ trực tiếp của các ngành, các địa phương trong tỉnh, sự hợp tác của các Viện - Trung tâm nghiên cứu, các Trường Đại học và các tỉnh thành bạn trong cả nước. Đến nay, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh Trà Vinh đã liên tục đổi mới và phát triển, đạt được những thành tựu to lớn, đã góp một phần công sức quan trọng đối với thành tựu chung của tỉnh suốt chặng đường phát triển kinh tế - xã hội trong gần ba thập niên qua.

Với đội ngũ 74 cán bộ khoa học - kỹ thuật hiện nay, đã tăng gấp 3 lần về số lượng so với ngày đầu thành lập.



Ông Đồng Văn Lâm - Chủ tịch UBND tỉnh phát biểu tại Hội thảo khoa học "Ứng dụng các quy trình công nghệ và chế phẩm có hoạt tính sinh học để nuôi tôm và sản xuất hữu cơ" trong khuôn khổ Chương trình hợp tác giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Tỉnh Trà Vinh

Chất lượng của đội ngũ không ngừng được bổ sung và nâng cao, đến nay có 06 thạc sĩ, số còn lại hầu hết đều có trình độ đại học. Từ những vấn đề thực tiễn của quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai 331 đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược, khoa học nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn. Trong đó, giai đoạn 1992 - 1995: triển khai thực hiện 28 đề tài/dự án; giai đoạn 1996 - 2000: triển khai thực hiện 39 đề tài/dự án; giai đoạn 2001 - 2005: triển khai thực hiện 73 đề tài/dự án; giai đoạn 2006 - 2010: triển khai thực hiện 71 đề tài/dự án; giai đoạn 2011 - 2015: triển khai thực hiện 71 đề tài/dự án; giai đoạn 2016 - 2019: triển khai thực hiện 49 đề tài/dự án.

Việc phổ biến và chuyển giao khoa học và công nghệ cho người dân được đẩy mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Các đề tài nghiên cứu ứng dụng ngày càng đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn cao, người dân trong tỉnh đã áp dụng các mô hình, quy trình công nghệ vào sản xuất đời sống phát huy được hiệu quả kinh tế trong nhiều năm qua. Chỉ tính trong lĩnh vực nông nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ đã tập trung nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học để tạo bước đột phá phát triển nền nông nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại, công nghệ cao về giống cây, con, kỹ thuật canh tác nhằm đảm bảo tăng năng suất, chất lượng tạo sản phẩm hàng hóa chủ lực cho tỉnh đáp ứng thị trường như các giống hoa, đậu phộng, cam sành không hạt, dưa sáp cấy phôi, quýt đường, các giống lúa (OM5451, OM4900, OM6976, OM6162, OM5886) và mía (Uthong 1, Suphanburi 50) năng suất cao, chất lượng tốt; các giống nghêu, cua biển, tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cá lóc, cá tra chất lượng cao và sạch bệnh; các giống heo lai và bò lai hướng thịt được tạo ra từ gieo tinh nhân tạo,... góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa.



Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất một số loại hoa bằng phương pháp nuôi cấy mô tại Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh

Với tác động của khoa học - công nghệ, nền nông nghiệp tỉnh Trà Vinh hiện nay đã có bước phát triển đáng kể, tiêu biểu như chuyển đổi từ sản xuất lúa truyền thống sang ứng dụng biện pháp 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, sử dụng giống xác nhận và nhóm giống chất lượng cao góp phần giảm chi phí sản xuất 2 - 3 triệu đồng/ha, diện tích trồng màu hầu hết sử dụng giống mới và ứng dụng các biện pháp sinh học trên đồng ruộng giúp cây trồng chống chịu sâu bệnh, sinh trưởng và phát triển ổn định trong điều kiện bất lợi của thời tiết; đàn heo, đàn bò sử dụng giống lai kinh tế, thực hiện phương pháp gieo tinh nhân tạo góp phần tăng trọng lượng, tỷ lệ thịt xẻ và giảm khoảng 10% chi phí sản xuất; các đối tượng thủy sản được nuôi theo hình thức thâm canh, xen canh, luân canh và kết hợp cũng mang lại hiệu quả khá cao; từng bước triển khai sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện, tiềm năng của từng địa phương, nhất là việc đưa cây màu xuống chân ruộng, cải tạo vườn tạp trồng cây ăn trái. Từ đó dẫn chuyển đổi tri thức bà con nông dân và cộng đồng trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật phát triển kinh tế hộ. Có thể khẳng định, khoa học và công nghệ đã góp phần tăng giá trị sản lượng, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, chỉ riêng giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản tính trong năm 2019 là 28.157 tỷ đồng, tăng gấp 16 lần so với năm 1992. Giá trị sản phẩm

thu được trên diện tích đất trồng trọt từ 4,5 triệu đồng/ha năm 1992 tăng lên trên 110 triệu đồng/ha năm 2019, đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh chính trị của tỉnh nhà.

Những kết quả đạt được của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thời gian qua là đáng phấn khởi. Trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục triển khai thực hiện các đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ thuộc tất cả các lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược, khoa học nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn. Riêng đối với lĩnh vực khoa học nông nghiệp triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các định hướng: Nghiên cứu liên quan phục vụ nâng cấp chuỗi giá trị dừa, chuỗi giá trị đậu phộng, các nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trong đó tập trung các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển như: công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tự động hóa trong chăn nuôi; nuôi trồng sinh thái thủy sản; chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi và thủy sản,... Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thiết bị sơ chế, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực nhằm nâng cao chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch. Nghiên cứu liên quan đến đổi mới thiết bị, chuyển giao công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nghiên cứu khởi nghiệp, kinh tế hợp tác (hợp tác xã),... trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Để thực hiện điều này, cần có cơ chế chính sách để triển khai mạnh mẽ công tác liên kết về nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó tập trung xây dựng các liên kết về kinh doanh giữa những nhà cung cấp và người mua thông qua các hợp đồng cung cấp và tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó thúc đẩy việc thành lập các Hiệp hội cung cấp, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản.

Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - THÀNH TỰU NỔI BẬT QUA 28 NĂM TÁI LẬP TỈNH TRÀ VINH

Nhìn lại chặng đường, khi mới tái lập Tỉnh cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, ngành Giáo dục và Đào tạo đã chung sức cùng hệ thống chính trị tỉnh nhà bắt tay vào thực hiện công cuộc đổi mới tỉnh nhà với muôn vàn khó khăn, thách thức. Trải qua 28 năm, cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, đặc biệt là sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết vượt qua khó khăn của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Trà Vinh nói chung, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh đã có những bước tiến dài tạo tiền đề vững chắc trong giai đoạn mới. Đặc biệt, nhìn lại những thành tựu nổi bật sau 28 năm tái lập tỉnh, ngành Giáo dục và Đào tạo tự hào trước sự đổi mới, phát triển và những thành tựu to lớn trong sự nghiệp giáo dục với những đổi thay to lớn của ngày hôm nay.

Thời điểm mới tách tỉnh, vào năm học 1992 - 1993, do đời sống của Nhân dân gặp nhiều khó khăn nên công tác giáo dục và đào tạo tỉnh Trà Vinh cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ: Nhiều trường lớp (nhất là ở vùng sâu) không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; hàng trăm phòng học ca 3 tồn tại khắp nơi trong tỉnh; số học sinh bỏ học, nghỉ học



Trường Mầm non Quốc tế iSchool Trà Vinh

trên 10%; nhiều giáo viên xin nghỉ việc vì gia cảnh nên thiếu giáo viên nghiêm trọng ở tất cả các cấp học, ngành học. Cả tỉnh Trà Vinh không có trường chuyên nghiệp đào tạo nghề nào để con em của nhân dân trong tỉnh theo học.

Trong những năm đầu khó khăn ấy, Sở Giáo dục và Đào tạo đã đề ra nhiều giải pháp thiết thực như: xóa phòng học 3 ca, khắc phục tình trạng thiếu trường, lớp, thiếu giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Với sự quyết tâm không ngừng phấn đấu, dưới ánh sáng Nghị quyết của Đảng và các Kế hoạch 05 năm của Tỉnh ủy qua các kỳ Đại hội, cùng với sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp hỗ trợ của các ngành, các tổ chức đoàn thể, ngành Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh được tiếp thêm sức mạnh và cùng với sự nỗ lực, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn trong toàn ngành giáo dục đã tích cực đưa sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh nhà từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển chung của sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của khu vực và cả nước. Qua quá trình phấn đấu, đến nay ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh nhà đã đạt được những thành tựu nổi bật, đáng phấn khởi đó là:

* Về hệ thống mạng lưới, cơ sở vật chất trường học

- Tính đến đầu năm học 2019 - 2020, hệ thống mạng lưới trường học phát triển đều khắp: toàn tỉnh có 448 trường (tăng gấp đôi so với năm 1992), bình quân mỗi xã đều có trường mẫu giáo, trường THCS và có từ 1 đến 2 trường Tiểu học, mỗi huyện có từ 3 đến 5 trường THPT, có 01 trường Phổ thông Dân tộc nội trú và 01 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; nếu như những ngày đầu tái lập tỉnh Trà Vinh chưa có trường trung cấp chuyên nghiệp thì đến nay tỉnh có 01 trường trung cấp Pali Khmer, 01 trường trung cấp văn hóa nghệ thuật, 02 trường cao đẳng và 01 trường đại học đã tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên phát huy tinh thần học tập và đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh nhà.

“SỐNG CHIẾN ĐẤU, LAO ĐỘNG VÀ HỌC TẬP THEO GƯƠNG BÁC HỒ VĨ ĐẠI”



Học sinh Trường PT Dân tộc nội trú - THCS - THPT huyện Tiểu Cần trình diễn nhạc cụ dân tộc Khmer

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học không ngừng được đầu tư, nâng cấp; trường học được xây dựng kiên cố, khang trang qua hai lần được Trung ương và tỉnh tập trung đầu tư (chương trình kiên cố hóa 1.000 phòng học và Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên); tỉnh đã đầu tư tăng gần 5.000 phòng học so với lúc mới tách tỉnh và đã khắc phục được phòng học ca 3 từ 15 năm nay; với 100% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố (trong đó 87,3% phòng học kiên cố). Nếu như năm 1992 chưa có trường học đạt chuẩn quốc gia, thì đến nay, toàn tỉnh có 30,5% trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra, hàng năm tỉnh đã dành ngân sách hàng trăm tỉ đồng để trang bị thiết bị dạy học cho các trường đáp ứng yêu cầu cải cách, đổi mới giáo dục qua từng giai đoạn, nhất là trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học tại các trường.

* Về học sinh và chất lượng giáo dục

- Toàn tỉnh hiện có trên 210.000 học sinh, sinh viên chiếm gần 1/4 dân số tỉnh. Bình quân cứ 04 người dân có 01 người đi học. So với thời điểm mới tách tỉnh, số học sinh sinh viên hiện nay đã tăng trên 100.000 em. Tình trạng học sinh phổ thông bỏ học giảm đáng kể: cuối năm học 1992 - 1993 học sinh bỏ học trên 10%, thì đến cuối năm học 2018 - 2019

còn dưới 1%, hàng năm các cấp ủy Đảng cùng Chính quyền địa phương và các ban, ngành, đoàn thể đã quan tâm công tác vận động học sinh đi học, đến nay học sinh trong độ tuổi đi học các cấp chiếm tỉ lệ khá cao (tiểu học đạt 99,9%, trung học cơ sở đạt 98,61%, trung học phổ thông đạt gần 73%).

- Chất lượng giáo dục và đào tạo không ngừng được củng cố và nâng dần, hàng năm tỷ lệ học sinh lên lớp trên 95%, học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt trên 98%, học sinh lớp 12 tốt nghiệp trung học phổ thông đạt trên 96%.

- Về công tác phổ cập giáo dục: từ tháng 12/1998 tỉnh Trà Vinh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ; từ năm 2008 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở và năm 2015 tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

* Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được ổn định về số lượng và nâng cao chất lượng về trình độ đào tạo: Toàn ngành giáo dục tỉnh nhà hiện có gần 15.000 người trong đó: nữ chiếm tỉ lệ 55,9%, dân tộc Khmer chiếm tỉ lệ 21,8%, hầu hết cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp học trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Hàng năm, hàng ngàn cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đã tham gia các lớp đào tạo chuẩn hóa và nâng chuẩn theo quy định, các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và bồi dưỡng thường xuyên, để cập nhật kiến thức, kỹ năng nhằm phục vụ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và quản lý giáo dục. Đây có thể xem là một trong các hoạt động nổi bật góp phần đắc lực vào việc nâng chuẩn về trình độ đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Tinh thần học tập của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục góp phần không nhỏ vào việc nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và bản lĩnh chính trị, phẩm chất

đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lề lối làm việc, đổi mới phương pháp dạy học và là cầu nối quan trọng để tiếp cận với nền giáo dục hiện đại đáp ứng mục tiêu của Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

* Công tác xã hội hoá giáo dục và xây dựng xã hội học tập

- Công tác xã hội hóa lĩnh vực giáo dục luôn được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo, nhất là tạo cơ chế chính sách thuận lợi để thu hút nhà đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, đem lại nhiều cơ hội tốt cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, nếu như năm 1992 tỉnh Trà Vinh có 100% trường học đều là trường công lập thì đến nay tỉnh có 12 trường tư thục.

- Công tác xây dựng xã hội học tập đã tạo điều kiện cho mọi người, mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học thường xuyên, học suốt đời; phát triển hợp lý quy mô các ngành, bậc học nhằm hỗ trợ tích cực cho việc chăm lo sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Đặc biệt, ngành Giáo dục và Đào tạo tích cực phối hợp cùng Hội Khuyến học vận động từ nhiều nguồn lực để động viên khen thưởng học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc gia, khu vực và các loại học bổng khác dành cho học sinh vượt khó học giỏi, tích cực thực hiện “3 đủ” (đủ ăn, đủ mặc, đủ dụng cụ học tập) cho học sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các em tiếp tục đi học.

Nhìn chung, 28 năm qua, ngành Giáo dục và Đào tạo không ngừng phát triển cả về trường, lớp học, cơ sở vật chất, quy mô học sinh, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Trong đó, phát triển giáo dục vùng sâu thực chất là thực hiện chính sách công bằng xã hội trong giáo dục, theo phương châm “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển”.

Với những thành tựu nổi bật của giáo dục tỉnh Trà Vinh trên chặng đường 28 năm, ghi dấu bao công sức, sự tâm huyết, trăn trở và hy sinh thầm lặng của đội ngũ nhà giáo sẽ

là nền tảng vững chắc cho ngành trong bước đi hội nhập và đổi mới trong giai đoạn tiếp theo.

Bước sang thời kì đổi mới mạnh mẽ căn bản toàn diện giáo dục, thời kì hội nhập sâu rộng để đưa ngành giáo dục tỉnh nhà tiếp tục có những bước tiến vững chắc. Với sự quyết tâm đoàn kết đồng lòng của đội ngũ nhà giáo, với quan điểm phát huy trí tuệ, sức mạnh tập thể, nêu cao vai trò người đứng đầu, giáo dục tỉnh Trà Vinh quyết tâm phấn đấu cùng Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Trà Vinh không ngừng đào tạo nguồn nhân lực, trọng tâm là nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia hướng tới hội nhập quốc tế, trong đó chú trọng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao và đồng thời tiếp cận nhanh và vững chắc các yêu cầu đổi mới, phấn đấu đi đầu trong việc thực hiện các nội dung đổi mới, đưa Ngành giáo dục trở thành điểm sáng trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó trong giai đoạn tới, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh nêu cao và thực hiện tốt phương châm của Tỉnh ủy "Hành động, kỷ cương, trách nhiệm; sáng tạo, bứt phá, về đích" sẽ tiếp tục kế thừa, phát huy truyền thống, kết quả và kinh nghiệm của các thế hệ đi trước; đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý phù hợp với yêu cầu thực tế; mạnh dạn, chủ động trong thực hiện đổi mới; chân thành, cầu thị lắng nghe ý kiến đóng góp từ cơ sở, đặc biệt là những ý kiến hay từ các tổ chức, nhân dân và doanh nghiệp.

Với sứ mệnh cao cả và vai trò đưa giáo dục tỉnh nhà tiến bước trên con đường đổi mới và hội nhập, với bao thời cơ và không ít những khó khăn thách thức, hơn lúc nào hết toàn ngành giáo dục tập trung đoàn kết thống nhất cao trong nhận thức và hành động, cùng sát cánh xác định động lực vượt qua những rào cản để đạt mục tiêu mà ngành đề ra. Chính sự quyết tâm, ngọn lửa nhiệt huyết của các Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, sự đồng thuận của xã hội ngày hôm nay sẽ thắp lên niềm tin mãnh liệt, mạnh mẽ vào công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Trà Vinh.

Sở Giáo dục và Đào tạo



Trường Đại học Trà Vinh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2006 - 2019 THÀNH TỰU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Giới thiệu khái quát Trường Đại học Trà Vinh

Trường Đại học Trà Vinh (TVU) được thành lập theo Quyết định số 141/QĐ/2006-TTg ngày 19/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở phát triển từ Trường Cao đẳng Cộng đồng Trà Vinh, là trường công lập hoạt động theo mô hình đa cấp, đa ngành, đa phương thức đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng. Từ tháng 4/2017, TVU đã được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động, là trường đại học đầu tiên trực thuộc tỉnh được giao thí điểm hoạt động theo cơ chế này.

TVU hoạt động theo mô hình cộng đồng, mỗi chương trình đào tạo đều có sự tham gia của Ban Tư vấn Chương trình, Ban Giới và Dân tộc, Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học nhằm đảm bảo gắn kết với thực tế và bình đẳng giới trong mọi hoạt động với cộng đồng.

Trong gần 15 năm phát triển, Nhà trường đã và đang thực hiện sứ mệnh cung cấp các chương trình đào tạo đa cấp, liên thông, đa ngành nghề ngắn hạn và dài hạn từ bậc cao đẳng, đại học và sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học; đặc biệt quan tâm đến đối tượng là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số và các cộng đồng dân cư có nhu cầu đặc biệt; tạo sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng nhằm hướng đến cơ hội việc làm, chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội; phấn đấu trở thành trường đại học tiêu biểu trong hệ thống giáo dục chuyên nghiệp tại Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực, TVU hiện có 13 khoa; 16 phòng, ban chức năng; 03 hội đồng; 11 trung tâm và một số đơn vị trực thuộc khác như: Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh, Viện Phát triển Nguồn lực, Tạp chí Khoa học, Thư viện, Trường Thực hành Sư phạm, Kí túc xá 4.300 chỗ.

Đội ngũ viên chức, giảng viên của Trường gồm 1.244 người; trong đó trình độ sau đại học chiếm tỉ lệ 78%. Với tinh thần đoàn kết, nhiệt huyết và năng động, tập thể cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu, tăng cường học tập nâng cao trình độ tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế nay đã đáp ứng cơ bản yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo về năng lực đào tạo của nhà trường.

TVU tiếp thu và chịu ảnh hưởng triết lí học tập của UNESCO về giáo dục ở thế kỉ XXI trong thế giới phẳng và thời kì hội nhập là *"Học để biết, học để làm, học để khẳng định mình và học để sống chung"*, từ đó xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, phương châm hoạt động và giá trị cốt lõi như sau:

- **Tầm nhìn:** Là trường đại học định hướng ứng dụng điển hình xuất sắc và đặc thù.
- **Sứ mệnh:** TVU đào tạo đa ngành, đa cấp, liên thông, đáp ứng đa dạng nhu cầu của người học; nghiên cứu khoa học; phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phục vụ xã hội; góp phần quan trọng làm tăng cơ hội việc làm, nâng

cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

- **Phương châm hoạt động:** “Mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng”.

- **Giá trị cốt lõi:** Tận tâm - Minh bạch - Sáng tạo - Thân thiện.

2. Những thành tựu đạt được từ năm 2006 đến nay Về đào tạo

Với phương châm “Mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng”, TVU đang thực hiện hơn 120 chương trình đào tạo thuộc các hệ chính quy, liên thông, vừa làm vừa học và đào tạo trực tuyến, từ xa, bao gồm: 08 ngành bậc Tiến sĩ; 25 ngành bậc Thạc sĩ; 59 ngành bậc Đại học, 33 ngành bậc Cao đẳng thuộc các lĩnh vực: Kinh tế - Luật, Khoa học Sức khỏe, Kỹ thuật - Công nghệ, Hóa học Ứng dụng, Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Ngoại ngữ, Nông nghiệp - Thủy sản, Sư phạm, Quản lý Nhà nước, Quản trị Văn phòng, Du lịch.

Sau gần 15 năm thành lập, TVU thu hút với lưu lượng khoảng 28.000 sinh viên hàng năm theo học thuộc các hệ, các bậc đào tạo tại trường. Cũng qua quá trình đào tạo này, Nhà trường đã cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực với hàng chục ngàn lao động ở các trình độ khác nhau, góp phần ổn định, phát triển giáo dục, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường trong 03 năm trở lại đây (2016, 2017 và 2018) luôn đạt mức trên 80%.

Trong hệ thống các chương trình đào tạo của TVU, một số chương trình đào tạo có hợp tác với doanh nghiệp trong nước và hợp tác quốc tế như: Chương trình đào tạo Co-op, tương tác đào tạo với doanh nghiệp sinh viên vừa học, vừa làm được trả lương; Các chương trình thực tập vừa học, vừa làm ngoài nước tại Israel, tiếp cận công nghệ hiện đại, thu nhập cao; Chương trình đào tạo 2+2 (TVU với Đại học Vancouver Island) và Chương trình 3+1 (TVU với Đại học Southern Leyte State) cung cấp chương trình học Quốc tế ở bậc học cao hơn. Có thể nói, hợp tác doanh nghiệp là

một trong những phương thức TVU chú trọng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp; tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Qua quá trình đào tạo, TVU đã gắn kết với hơn 800 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động trong và ngoài tỉnh thông qua các hoạt động như: đào tạo theo hợp đồng của doanh nghiệp; các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia vào Ban Tư vấn chương trình đào tạo; hỗ trợ thực tập thực tế (thông qua chương trình CO-OP) và góp phần giải quyết việc làm cho sinh viên và hỗ trợ các suất học bổng hằng năm cho học sinh, sinh viên của nhà trường.

Song song việc chú trọng công tác gắn kết doanh nghiệp, ngay từ những ngày đầu thành lập vào năm 2006, TVU đã vận hành Hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, phiên bản ISO 9001:2008 từ năm 2012, đến năm 2018, TVU đã triển khai áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, qua đó góp phần kiểm soát và quản lí hồ sơ công tác đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng khoa học, hiệu quả hơn, thúc đẩy sự cải tiến liên tục để nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Trong tháng 11-12/2019 vừa qua, sau thời gian nỗ lực xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo theo định hướng các tiêu chuẩn quốc tế, TVU đã được Tổ chức FIBAA công nhận đạt các tiêu chí kiểm định chất lượng châu Âu 04 chương trình đào tạo bậc Đại học nhóm ngành Kinh tế, Tổ chức AUN - QA công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng Đông Nam Á 02 chương trình đào tạo nhóm ngành Thú y - Thủy sản; đồng thời Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố quyết định và trao chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho TVU vào dịp 20/11/2019, TVU là trường thứ 9 đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chí mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những kết quả đạt được cho thấy sự nỗ lực của Ban Giám hiệu và tập thể giảng viên, viên chức TVU không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo và từng bước hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế chung của các trường đại học trong nước và trên thế giới.

Về nghiên cứu khoa học

Trong thời gian 5 năm gần đây, nghiên cứu khoa học TVU có sự chuyển biến tích cực. Tính từ năm 2014 đến tháng 5/2019, Trường đã triển khai thực hiện 09 đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, 03 đề tài cấp Bộ, 12 đề tài cấp Tỉnh và 168 đề tài cấp Trường. Trong đó, một số đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước gắn kết với công tác bảo tồn và phát huy các di sản ngôn ngữ - văn hóa - nghệ thuật của các dân tộc Tây Nam Bộ như: *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ, Văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*; gắn kết với hoạt động sản xuất nông nghiệp - thủy sản đặc trưng vùng Tây Nam Bộ, có thể ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào thực tiễn như: mô hình sản xuất lúa chuẩn VietGAP, mô hình sản xuất rau an toàn, mô hình trồng nấm bào ngư, mô hình nuôi tôm sú, nuôi cua biển tại Duyên Hải,... Đồng thời, giảng viên và viên chức TVU đã công bố 586 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước, 109 bài báo khoa học ISI và SCOPUS. Từ năm 2011, TVU được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép xuất bản Tạp chí Khoa học (TCKH) với chỉ số ISSN:1859-4816. Đến nay, TCKH đã xuất bản 35 số bằng ngôn ngữ Việt và Anh dưới hình thức báo in và online, mỗi bài báo xuất bản online có gán chỉ số DOI và kết nối các cơ sở dữ liệu quốc tế: Crossref, Google Scholar, BASE. TCKH đã được Hội đồng Chức danh Giáo sư ngành và liên ngành công nhận tính điểm công trình các ngành Văn hóa, Văn hóa - Nghệ thuật, Kinh tế, Chăn nuôi - Thú y - Thủy sản.

Về hợp tác quốc tế

Trên cơ sở kế thừa thành quả từ Dự án Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam - Canada, cùng với định hướng phát triển đào tạo theo xu thế hội nhập quốc tế, xác định hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ chiến lược phát triển của Nhà trường, TVU chủ động, tích cực trong việc thiết lập các mối quan hệ và đã chính thức kí kết, giao lưu hợp tác với 96 đối tác nước ngoài thuộc 18 quốc gia trên thế giới, hợp tác ở các lĩnh vực cụ thể như: liên kết đào tạo; nghiên cứu khoa học, tổ chức diễn đàn, hội thảo khoa học; tiếp nhận và đưa giảng viên,

sinh viên học tập, nghiên cứu; tiếp nhận tình nguyện viên; tiếp nhận các dự án tài trợ từ các tổ chức kinh tế, giáo dục quốc tế.

Về đặc thù của Trường

TVU là thành viên thứ 151, thành viên quốc tế duy nhất của Hiệp hội Cao đẳng Cộng đồng Canada (CACCC), nay là Hiệp hội các Trường Cao đẳng và Học viện Canada (CICan); là thành viên sáng lập Hiệp hội Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam (VACC).

TVU là trường đại học tiên phong trong cả nước kí Tuyên bố Talloires (2013), cam kết xây dựng trường đại học xanh toàn diện. Hai năm liền 2018 và 2019, TVU lọt vào Top 300 trường đại học phát triển bền vững và thân thiện môi trường thiên nhiên nhất thế giới của Tổ chức UI GreenMetric World University Rankings, là một trong hai trường đại học ở Việt Nam lọt vào bảng xếp hạng này.

Tháng 10/2013, Trường Đại học Trà Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ giao là đơn vị thực hiện nhiệm vụ trọng điểm quốc gia đào tạo nhân lực về *Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ*; là trường đầu tiên tại Việt Nam đào tạo các chuyên ngành thuộc lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật Khmer Nam Bộ ở bậc đại học và sau đại học, góp phần đáp ứng các mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Sau hơn 05 năm hình thành và phát triển, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ đã đạt được các kết quả đáng khích lệ trong công tác đào tạo, truyền dạy và nghiên cứu khoa học. Trong đó, Khoa đã tổ chức tuyển sinh, đào tạo 04 chuyên ngành ở các bậc sau đại học, đại học, cao đẳng: Văn hóa Khmer Nam Bộ, Ngôn ngữ Khmer; Sư phạm Ngữ văn Khmer; Biểu diễn Nhạc cụ Truyền thống Khmer Nam Bộ với tổng số sinh viên, học viên đã và đang đào tạo khoảng 1.500 em, tỉ lệ học viên, sinh viên người dân tộc Khmer học các ngành của Khoa chiếm trên 90%.

TVU cũng đã Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ tiêu chuẩn và cho phép đào tạo năng lực tiếng Anh B1, B2 theo chuẩn Cambridge cho giáo viên tiểu học và trung học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Định hướng phát triển

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng và Chính phủ về đổi mới giáo dục đại học, đồng thời thực hiện mục tiêu đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động là phát triển TVU thành trường đại học định hướng ứng dụng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập, nghiên cứu tại Trường, kế thừa những thành tựu đạt được trong thời gian 13 năm, TVU tiếp tục duy trì, phát huy mạnh mẽ những thế mạnh của Nhà trường, song song đó không ngừng đầu tư và hoàn thiện về mọi mặt: tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, năng lực quản lý; cập nhật các chương trình đào tạo; ổn định tư tưởng chính trị; đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ giảng viên; xác định và thực hiện giá trị cốt lõi là sự tận tâm, minh bạch trong hoạt động đào tạo và hoạt động tạo cơ hội việc làm cho sinh viên; tạo môi trường học tập và làm việc năng động, sáng tạo và thân thiện.

Với tầm nhìn đến 2025, từ chiến lược quy hoạch tổng thể, phát triển toàn diện, TVU hướng tới một số mục tiêu quan trọng, cụ thể như sau:

Phát triển thành trường đại học trọng điểm ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong việc đào tạo, nghiên cứu về lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật Khmer Nam Bộ và lĩnh vực khoa học sức khỏe;

Phấn đấu trở thành một trong những trường đại học điển hình ở Việt Nam về đào tạo hợp tác với doanh nghiệp và là nơi cung cấp các tiện ích học tập chuẩn mực, môi trường nghiên cứu tích cực, sản phẩm công nghệ chất lượng, an toàn cho cộng đồng;

Từ mô hình đào tạo đa cấp, đa ngành, đa bậc học nhằm phục vụ nhu cầu học tập suốt đời cho cộng đồng, TVU sẽ hướng đến mô hình trường đại học ứng dụng và phấn đấu trở thành một trong những trung tâm giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học uy tín, chất lượng điển hình trong hệ thống giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Trường Đại học Trà Vinh

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT QUA 28 NĂM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

Là căn cứ cách mạng của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong những năm tháng chiến tranh, cùng với cả nước, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã không tiếc máu xương, chiến đấu anh dũng để góp phần vào độc lập, thống nhất nước nhà với những tấm gương người có công tiêu biểu mãi được ghi danh như Nguyễn Thị Út (Út Tịch), Kiên Thị Nhẫn, Hồ Thị Nhâm, Phạm Thái Bường,...



Phó Chủ tịch nước **Đặng Thị Ngọc Thịnh** tiếp đoàn Người có công tỉnh Trà Vinh

Đến nay, toàn tỉnh có 64.460 người có công được ghi nhận, tôn vinh. Trong đó, có 19.624 liệt sĩ; 417 đối tượng hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; 325 người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước ngày tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; có 9.811 thương bệnh, binh; 3.327 Bà mẹ Việt Nam anh hùng (hiện còn sống 157 mẹ); 12.373 người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc; 8.814 người và gia đình có công giúp đỡ cách mạng và 3.348 người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị

địch bắt tù, đày; 1.678 người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học;...

Những năm qua, cùng với nỗ lực phấn đấu, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ, chính quyền, các ngành, các cấp và nhân dân tỉnh Trà Vinh luôn xác định công tác chăm sóc thương, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và đã chỉ đạo thực hiện đạt nhiều kết quả. Đặc biệt, nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự vào cuộc của các ngành, các cấp, địa phương và các tổ chức chính trị xã hội, Trà Vinh đã thực hiện tốt các chính sách ưu đãi và xã hội hóa công tác chăm sóc người có công và thân nhân của họ.

Thực hiện sứ mệnh cao cả này, các thế hệ công chức, viên chức ngành Lao động - Thương binh và Xã hội luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm và phối hợp với các ngành, các cấp tổ chức triển khai, thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định như: Chi trả trợ cấp hàng tháng, thực hiện chính sách ưu đãi về giáo dục, đào tạo, bảo hiểm y tế, hỗ trợ vay vốn, tạo việc làm, cải thiện nhà ở cho gia đình người có công... Ngoài ra, còn tổ chức nhiều đợt điều dưỡng tập trung cho người có công tại TP. Vũng Tàu, TP. Nha Trang, TP. Đà Lạt, TP. Đà Nẵng và tỉnh Kiên Giang; tổ chức các đoàn đại biểu người có công với cách mạng ra thăm Thủ đô Hà Nội và vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời, đôn đốc các địa phương thực hiện tốt pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội, các cấp, các ngành với nhiều hình thức phong phú, sáng tạo, trở thành nét đẹp văn hóa trong đời sống xã hội.

Hàng năm, Trà Vinh cũng dành một phần ngân sách để tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình người có công trong các dịp Lễ, Tết. Đồng thời, các cấp, các ngành,



Lễ trao nhà tình nghĩa

các tổ chức, cá nhân có nhiều hoạt động thiết thực chăm lo đời sống cho người có công với cách mạng.

Bên cạnh đó, công tác chăm lo người có công cũng được tỉnh Trà Vinh gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và từng bước được xã hội hóa với nhiều phong trào sâu rộng, thể hiện sự tri ân sâu sắc, nhờ đó mà đời sống vật chất và tinh thần của người có công ngày càng được cải thiện, góp phần nâng cao mức sống của người có công ngang bằng hoặc cao hơn so với mức sống người dân nơi cư trú.

Chính sách an sinh xã hội cũng được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ngành, các cấp luôn quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, xem đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội. Chính sách an sinh xã hội ngày càng được bổ sung và hoàn thiện, đối tượng thụ hưởng ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên. Các lĩnh vực xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là giảm nghèo, dạy nghề, việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế, trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công tác gia đình, trẻ em và bình đẳng giới. Đời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và sự ổn định chính trị - xã hội.

Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ngành, các cấp chủ động tham mưu, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách về dạy nghề, việc làm, giảm nghèo, trợ giúp xã hội hàng tháng, bảo hiểm y tế, nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng không nơi nương tựa tại các cơ sở bảo trợ xã hội,... đạt được nhiều kết quả quan trọng. Toàn tỉnh có 34.685 đối tượng bảo trợ xã hội được trợ cấp hàng tháng; hàng năm 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ các chính sách có liên quan. Ngoài ra, các ngành có liên quan phối hợp thực hiện tốt chính sách giáo dục đào tạo; y tế, bảo hiểm xã hội; nhà ở, nước sạch, thông tin,... góp phần ổn định đời sống người dân và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

TRÀ VINH QUAN TÂM THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC

Trà Vinh là một tỉnh đồng bằng ven biển thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, là tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống, chiếm tỷ lệ gần 32% dân số toàn tỉnh. Trong quá trình xây dựng và phát triển, các cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách để phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, từ 1992 đến nay, Tỉnh ủy Trà Vinh đã ban hành nhiều Nghị quyết quan trọng về công tác trong vùng đồng bào dân tộc Khmer như: Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 13/10/1992, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/10/2003, Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 09/9/2011, kết luận số 01-KL/TU ngày 16/6/2016 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy (khóa IX) để chỉ đạo phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer, tạo sự chuyển biến trong đồng bào dân tộc Khmer trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ đó, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào ngày càng nâng lên, diện mạo nông thôn vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống ngày càng thay đổi.

Từ khi tái lập tỉnh, do điều kiện tự nhiên còn khó khăn, đa số đồng bào Khmer sinh sống trong vùng có điều kiện còn khó khăn, nhiều nơi chưa chủ động sản xuất, còn lệ thuộc thiên nhiên, hiệu quả sử dụng đất chưa cao, vẫn còn tồn tại nhiều cây tạp có giá trị kinh tế thấp, chăn nuôi và hoa màu phát triển chậm. Để phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất trong vùng đồng bào dân tộc Khmer, tỉnh Trà Vinh đã chỉ đạo thực hiện phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, mở rộng diện tích tăng vụ, thâm canh; chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông

nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tăng cường ứng dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật vào sản xuất; chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất. Từ đó, đời sống vật chất của đồng bào Khmer không ngừng được cải thiện và nâng cao, tỉ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc Khmer giảm trung bình 4%/năm, cuối năm 2019 giảm 5%. Năm 1992, trong vùng đồng bào Khmer và đa số người Khmer chủ yếu là độc canh cây lúa, tỷ lệ hộ nghèo trong vùng Khmer chiếm 50% so với tổng số hộ nghèo chung, hàng ngàn hộ Khmer thiếu đói giáp hạt phải cứu tế. Triển khai thực hiện các nghị quyết phát triển toàn diện vùng đồng bào



Hộ Khmer sản xuất giỏi xã Hiếu Từ, huyện Tiểu Cần

Khmer, đến năm 2002 không còn hộ thiếu đói phải cứu tế lúc giáp hạt và đến năm 2010 trong vùng đồng bào dân tộc Khmer đã sản xuất từ 02 vụ lúa, có nơi 02 vụ lúa + vụ màu hoặc 03 vụ lúa/năm. Có hàng trăm mô hình, dự án hỗ trợ trong phát triển sản xuất, hỗ trợ đất sản xuất với số tiền hàng trăm

tỉ đồng thuộc các chương trình, dự án của Trung ương và địa phương. Theo chuẩn nghèo đa chiều, đến cuối năm 2018, toàn tỉnh còn 10.079 hộ nghèo dân tộc Khmer (chiếm 11,27% tổng số hộ Khmer; có 11.892 hộ cận nghèo dân tộc Khmer chiếm 13,3% so với tổng số hộ dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh.

Nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cho người dân tộc Khmer như các chương trình 135, 134, 176, 74, 167 của Chính phủ đã được triển khai thực hiện. Từ đó, hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế trong vùng có đồng bào Khmer được ưu tiên đầu tư xây dựng. Năm 1992, tỷ lệ hộ Khmer dùng điện chỉ đạt 10%, năm 2009, Tổng Công ty Điện lực miền Nam triển khai dự án cung cấp điện cho 20.000 hộ chưa có điện chủ yếu là hộ Khmer nghèo trên địa bàn tỉnh, với tổng mức đầu tư 756 tỷ đồng, đến tháng 8/2016 dự án đã hoàn thành góp phần đưa tỷ lệ hộ gia đình người Khmer sử dụng điện đến

nay đạt 98,17%; năm 1992, tỷ lệ hộ Khmer sử dụng nước hợp vệ sinh đạt dưới 50%, đến nay đạt gần 97,%. Chính sách hỗ trợ về nhà ở cũng được triển khai thực hiện, để đồng bào Khmer an cư lập nghiệp. Năm 1992, có 28,12% trên tổng số hộ người Khmer có nhà tường, nhà kê. Triển khai Quyết định 134/2004/QĐ-



Triển khai dự án hỗ trợ điện cho 20.000 hộ Khmer nghèo trên địa bàn huyện Cầu Ngang

TTg hàng chục ngàn căn nhà kiên cố được đầu tư xây dựng. Năm 2010, tỉnh đã bàn giao hơn 40.000 căn nhà tình thương cho hộ đồng bào Khmer và hộ nghèo trong tỉnh. Đến nay, chính sách hỗ trợ về nhà ở cho người Khmer tiếp tục được thực hiện với hàng chục ngàn căn từ nhiều chương trình hỗ trợ khác nhau. Từ đó, nhiều hộ người Khmer đã vươn lên khá, giàu, mua sắm được tư liệu sản xuất, phương tiện sinh hoạt gia đình, bộ mặt nông thôn trong vùng đồng bào dân tộc ngày càng khởi sắc.

Quan tâm thực hiện tốt các chính sách giáo dục đối với đồng bào dân tộc Khmer: Khi tái lập tỉnh, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh nhà gặp không ít khó khăn, vấn đề giáo dục trong vùng đồng bào dân tộc có những đặc điểm: thiếu giáo viên dạy song ngữ Khmer, toàn tỉnh chỉ có 120 giáo viên dạy chữ Khmer và chỉ dạy ở cấp 1; nhiều giáo viên trình độ còn hạn chế, nên chất lượng giáo dục trong đồng bào Khmer thấp. Học sinh Khmer đi học ít, chiếm 28,29% so với học sinh toàn tỉnh, hơn 09 người mới có 1 người đi học; số học sinh bỏ học hàng năm từ 7 - 10%. Đến nay, toàn tỉnh có 1 Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh và 07 Trường Phổ thông Dân tộc nội trú cấp huyện; 01 trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh. Việc dạy và học chữ Khmer được duy trì và phát triển ở 95 trường tiểu học, 15 trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và 134 điểm chùa Khmer. Trường Đại học Trà Vinh thành lập Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Khmer Nam bộ trong đó có đào tạo ngành sư phạm Ngữ văn Khmer. Thành lập mới Trường trung cấp Pali - Khmer. Đến nay, toàn

tỉnh có 3.208 cán bộ, giáo viên là người Khmer ở các cấp học, chiếm trên 21% so với tổng số giáo viên toàn tỉnh. Tỷ lệ học sinh Khmer đi học trong độ tuổi bậc tiểu học đạt 99%, Trung học cơ sở đạt 97,5%, Trung học phổ thông đạt 79%.

Việc xây dựng, phát triển văn hóa tinh thần của đồng bào Khmer được triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào Khmer như: văn học, văn nghệ Khmer, văn nghệ dân gian, nghệ thuật; đầu tư kinh phí cho công tác sưu tầm, bảo tồn các hình thức văn hóa vật thể và phi vật thể, bổ sung hiện vật cho nhà bảo tàng văn hóa dân tộc Khmer; thực hiện có hiệu quả, chú trọng việc xây dựng nếp sống văn hóa trong việc cưới,



Trường Trung học Phổ thông dân tộc nội trú huyện Càng Long

việc tang, lễ hội gắn với xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Duy trì và từng bước cải tiến các sinh hoạt lễ hội cổ truyền của các dân tộc Chôl Chnam, Thmay, Đôlta, Ok - Om - Bok. Đến nay, đồng bào Khmer có 03 di sản văn

hóa phi vật thể cấp quốc gia: Nghệ thuật Châm riêng Chà Pây, lễ hội Ok - Om - Bok và Nghệ thuật Rô - Băm; 14 chùa Khmer được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cách mạng cấp tỉnh và di tích lịch sử văn hóa kiến trúc cấp quốc gia. Nhà Bảo tàng Văn hóa Khmer tỉnh được duy tu, sửa chữa và trưng bày trên 1.000 hiện vật có giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer.

Trong 28 năm qua, với sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer không ngừng được nâng lên, tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc trên địa bàn được giữ vững, đã góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Từ khi tái lập tỉnh năm 1992 đến nay, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Những thành tựu qua 28 tái lập tỉnh là tiền đề quan trọng để tỉnh Trà Vinh tiếp tục đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm xây dựng Trà Vinh thành tỉnh phát triển khá ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Để đạt mục tiêu đó, trong bối cảnh những thuận lợi và khó khăn đan xen, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Trà Vinh phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên; đổi mới, năng động sáng tạo hơn nữa, tạo bước chuyển biến rõ nét theo các định hướng như sau:

1. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách phù hợp, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp địa phương có thế mạnh, đồng thời thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững. Cơ cấu lại nền nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, có sức cạnh tranh cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát huy các nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, thu hút mạnh đầu tư vào khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, quyết tâm đưa tỉnh Trà Vinh trở thành trung tâm kinh tế biển của vùng. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công

nghiệp theo hướng chuyển từ gia công chế biến sang sản xuất toàn bộ và tham gia sâu vào chuỗi giá trị tập trung. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lễ hội của các dân tộc để ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người. Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường phổ biến và chuyển giao ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ nhất là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo động lực cho kinh tế tỉnh nhà tăng trưởng nhanh và bền vững.

4. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phấn đấu tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025. Tập trung xây dựng đô thị văn minh gắn với xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường, quyết tâm xây dựng tỉnh Trà Vinh trở thành tỉnh xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện đáng nhớ. Thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, khát vọng vươn lên của con người Trà Vinh.

5. Xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, thế trận An ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của tỉnh theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tăng cường sức mạnh tổng hợp để làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình

huống, góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

6. Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ trực tiếp và vai trò tự quản của Nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

7. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tập trung đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

MỤC LỤC

● LỜI TỰA	02
● BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH TRÀ VINH	04
● HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ LÃNH ĐẠO TỈNH TRÀ VINH QUA CÁC THỜI KỲ	05
● TRÀ VINH QUA 120 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN	30
Khái quát quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh (1900 - 1992)	31
1. Khái quát vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên - xã hội	31
2. Khái quát quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Trà Vinh (1900 - 1992)	32
Những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực của tỉnh Trà Vinh từ khi tái lập tỉnh (1992) đến nay	34
1. Kinh tế tăng trưởng, quy mô nền kinh tế được mở rộng	34
2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ	41
3. Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường	47
4. Thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo	50
5. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo	51
6. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh	53
● BÀI VIẾT VÀ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG MỘT SỐ SỞ, BAN, NGÀNH CỦA TỈNH	55
● ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	115

Chỉ đạo thực hiện

Ban Tổ chức các ngày lễ lớn tỉnh Trà Vinh

Ban Biên tập

Ông **TRẦN BÌNH TRỌNG**

Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Trưởng ban

Ông **CHÂU VĂN HÒA**

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ông **LỮ CÔNG TẠO**

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh

Thư ký

Ông **TỬ CHỪNG LỘC**

Phó Trưởng phòng TH - KT - KG - Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ông **NGUYỄN PHƯỚC TOÀN**

Chuyên viên Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp

Bà **CAO THỊ THÙY LINH**

Chuyên viên Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp

Giấy phép xuất bản số: 02/GP-STTTT, do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Trà Vinh cấp ngày 06 tháng 01 năm 2020.

In 800 cuốn, khổ (16 x 24) cm, tại Công ty CP Truyền thông Đại Việt.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2020.

Nguồn ảnh: Hữu Phúc, Bá Thi, Hữu Hiệp, Trường An... và một số tác giả.



XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN